



Hướng dẫn sử dụng nhanh

Volkswagen Passat

Hướng dẫn sử dụng nhanh Passat
Stand: 01.09.2019
Englisch VNM: 09.2019



3G1 012 720 AE VNM



Mục Lục

I. CÁC TÍNH NĂNG NỔI BẬT	1
1. Tính năng về công nghệ	1
a. Đèn pha tự động mở rộng góc chiếu sáng theo góc đánh lái (Static cornering light)	1
b. Chức năng Auto Start-stop	1
c. Hệ thống cảm biến khoảng cách (Park Distance Control hoặc PDC)	1
d. Lốp tự vá	2
e. Hệ thống thông tin áp suất lốp TPMS	2
2. Tính năng về tiện nghi	2
a. Hệ thống mở khóa cửa Keyless Access Entry	2
b. Chức năng nhớ vị trí ghế cho hàng ghế trước (nếu có trang bị)	3
c. Chức năng mát-xa ở lưng ghế trước (nếu có trang bị)	3
d. Chức năng tự động đóng/ mở cửa sổ và gập gương khi khóa/mở xe	3
e. Hệ thống điều hòa 3 vùng độc lập	3
f. Hệ thống thông tin và giải trí	4
3. Tính năng về an toàn	4
a. Hệ thống tự động mở đèn pha	4
b. Hệ thống gạt mưa tự động	4
c. Gương chiếu hậu bên trong xe tự động chống chói	5
d. Hệ thống tự động phanh khẩn cấp khi lùi xe	5
II. CÁC LƯU Ý KHI SỬ DỤNG	6
1. Lái xe tiết kiệm	6
2. Lái xe an toàn	8
3. Bảo quản bảo dưỡng xe khi không sử dụng	8
4. Kiểm tra, chuẩn bị trước chuyến đi xa	10
III. TỔNG QUAN BÊN NGOÀI XE	12
1. Các thông số kích thước cơ bản	12
2. Phía trước xe	13
3. Phía hông xe	14
4. Phía sau xe	15
IV. TỔNG QUAN BÊN TRONG XE	16
1. Cửa trước – Phía người lái	16
2. Tổng quan vị trí người lái	17
3. Phần trước hộp trung tâm	18
4. Phần giữa hộp trung tâm	19

5. Phần sau hộp trung tâm	20
6. Tổng quan vị trí hành khách phía trước	20
7. Đồng hồ taplo và các đèn báo	21
7.1. Đồng hồ báo nhiệt độ nước làm mát	21
7.2. Đồng hồ báo mức nhiên liệu	22
7.3. Mào hình trên taplo	22
7.4. Nhắc bảo dưỡng	23
7.5. Đèn báo trên taplo	23
8. Trần xe	25
9. Khoảng hành lý phía sau	25
V. VẬN HÀNH XE	26
1. Thao tác đóng mở cửa và cốp	26
1.1. Chìa khóa	26
1.2. Mở/khóa cửa xe tự động	28
1.3. Khóa và mở khóa xe bằng hệ thống Keyless Entry	28
1.4. Khóa/Mở khóa xe từ bên ngoài	29
1.5. Khóa/Mở khóa xe từ bên trong xe	30
1.6. Mở và đóng khoang hành lý	30
1.7. Mở nắp thùng nhiên liệu	31
1.8. Mở nắp khoang động cơ	32
2. Hệ thống giám sát bên trong xe (Nếu được trang bị)	32
3. Điều chỉnh tư thế ngồi	33
4. Chỉnh tay lái	34
5. Sử dụng dây đai an toàn	34
5.1. Thắt dây đai	34
5.2. Tháo dây đai	34
5.3. Điều chỉnh dây đai	35
6. Chức năng chỉnh ghế, Nhở vị trí ghế và mát-xa ở hàng ghế phía trước	35
6.1. Chỉnh ghế	35
6.2. Nhở vị trí ghế	35
6.3. Chức năng mát-xa	36
7. Gập hàng ghế thứ hai	36
8. Chỉnh và tháo tựa đầu	37
8.1. Tựa đầu hàng ghế phía trước	37
8.2. Tựa đầu hàng ghế phía sau	37
9. Công tắc đèn	38
9.1. Đèn chiếu sáng	38

9.2. Đèn cảnh báo/ Ưu tiên	38
9.3. Đèn báo rẽ và đèn chiếu xa	38
9.4. Đèn đỗ xe	38
10. Công tắc gạt mưa	39
11. Phím chức năng trên Vô lăng	39
11.1. Phím chức năng bên trái	39
11.2. Phím chức năng bên phải	40
12. Công tắc điều chỉnh gương chiếu hậu	40
13. Công tắc nâng hạ kính	41
14. Công tắc khởi động động cơ	42
15. Cần sang số	42
16. Khóa cần sang số	43
17. Chế độ thể thao và lẫy số trên Vô lăng (Tiptronic)	43
18. Phanh đỗ xe điện tử	44
19. Công tắc phanh Auto-Hold	45
20. Công tắc hệ thống tự động bật tắt động cơ Auto Start/Stop	47
21. Hệ thống cảm biến khoảng cách Park Distance Control (PDC)	49
22. Camera lùi và hệ thống hỗ trợ đỗ xe	50
23. Chức năng kiểm soát hành trình Cruise Control (CCS)	58
24. Chức năng cảnh báo buồn ngủ	62
25. Hệ thống điều hòa không khí	63
26. Hệ thống thông tin giải trí	65
27. Think Blue Trainer	73
28. Cảnh báo mất áp suất lốp TPLI (Nếu được trang bị)	75
29. Chức năng báo áp suất lốp (Tires Pressure Monitoring System – TPMS)	76
VI. TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP	79
1. Không khởi động được do yếu bình – Cách câu bình	79
2. Không thể mở cửa xe, cốp xe bằng chìa khóa điện tử do chìa khóa hết pin, ắc quy hết điện	80
2.1. Mở/ khóa cửa người lái bằng chìa khóa cơ	80
2.2. Mở cốp sau bằng chìa khóa	81
3. Không thể khởi động động cơ do chìa khóa yếu pin	81
4. Thay bánh xe dự phòng	81
5. Kéo xe	85
5.1. Khi xe bạn cần được kéo	85
5.2. Xe bạn kéo xe khác	85

I. CÁC TÍNH NĂNG NỔI BẬT

1. Tính năng về công nghệ.

- a. Đèn pha tự động mở rộng góc chiếu sáng theo góc đánh lái (Static cornering light).

Trên đèn pha có trang bị thêm một bóng đèn. Khi bạn đánh lái, bóng đèn này sẽ tự động sáng lên để mở rộng vùng chiếu sáng theo hướng đánh lái (Static).



- b. Chức năng Auto Start-stop

Chức năng Auto start-stop cho phép tự động tắt động cơ khi dừng xe (VD: trước đèn giao thông) và tự khởi động lại động cơ chỉ bằng thao tác đạp ga hoặc nhả chân phanh.

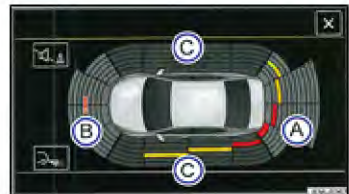


- c. Hệ thống cảm biến khoảng cách (Park Distance Control hoặc PDC)

Hệ thống PDC cho phép phát hiện các vật thể phía trước và sau xe ở một khoảng cách nhất định và gửi tín hiệu mô phỏng hiển thị trên màn hình và cảnh báo bằng âm thanh.



Ngoài ra, hệ thống PDC còn trang bị chức năng tự động phanh khẩn cấp khi gặp vật cản trong quá trình lùi xe.



I. CÁC TÍNH NĂNG NỔI BẬT

d. Lốp tự vá.

Xe của bạn được trang bị lốp xe có tính năng tự vá. Khi lốp bị đâm bởi những vật nhọn với đường kính tối đa 5mm, lốp sẽ không bị xẹp và nó sẽ tự động vá mà không ảnh hưởng đến hành trình của bạn.



e. Hệ thống thông tin áp suất lốp TPMS (Nếu được trang bị)

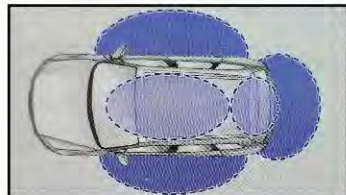
Trên mỗi bánh xe đều có trang bị một cảm biến áp suất lốp (phần bên trong chân van). Trường hợp có bánh xe nào có áp suất lốp thấp hơn áp suất tiêu chuẩn, hệ thống sẽ báo đèn trên màn hình táp-lô và trên màn hình trung tâm, bạn có thể vào hệ thống TPMS để kiểm tra và xem thông số áp suất của các lốp.



2. Tính năng về tiện nghi.

a. Hệ thống mở khóa cửa Keyless Access Entry

Trong điều kiện chỉ cần chìa khóa xe nằm trong phạm vi bán kính 1.5m của cảm biến trên các cửa và cốp sau, hệ thống này cho phép bạn có thể mở hoặc khóa xe mà không cần phải tra chìa cơ vào ổ (Tham khảo trang 28).



Trong trường hợp bạn đã mở khóa xe nhưng không mở cửa hoặc cốp sau, thì sau 45s xe sẽ tự động khóa lại.



I. CÁC TÍNH NĂNG NỔI BẬT

- b. Chức năng nhớ vị trí ghế cho hàng ghế trước (nếu có trang bị)

Bạn có thể lưu lại việc cài đặt vị trí ghế và gương chiếu hậu theo ý mình và xe có thể tự động chỉnh về vị trí này mỗi khi bạn sử dụng xe sau đó (Tham khảo trang 35).



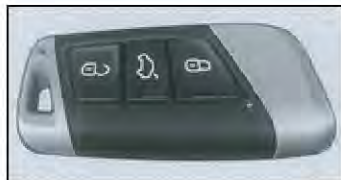
- c. Chức năng mát-xa ở lưng ghế trước (nếu có trang bị)

Hàng ghế phía trước trang bị chức năng mát-xa (nếu có) giúp bạn luôn cảm thấy thoải mái trong những chuyến hành trình dài. (Tham khảo trang 36).



- d. Chức năng tự động đóng/ mở cửa sổ và gập gương khi khóa/mở xe.

Chỉ bằng việc bấm và giữ công tắc khóa/ mở khóa trên chìa khóa, thì bạn có thể điều khiển đóng/ mở cửa sổ và gập gương từ xa (Tham khảo trang 29).



- e. Hệ thống điều hòa 3 vùng độc lập.

Với hệ thống điều hòa 3 vùng độc lập, bạn có thể điều chỉnh nhiệt độ riêng biệt phù hợp với từng ý muốn cá nhân ở hai ghế trước và hàng ghế sau (Tham khảo trang 63)



I. CÁC TÍNH NĂNG NỔI BẬT

f. Hệ thống thông tin và giải trí

Composition Media với màn hình 8 inch (Tham khảo trang 65).

Một số tính năng chính của hệ thống thông tin và giải trí

- Chức năng radio AM/FM.
- Kết nối với điện thoại thông qua Bluetooth.
- Phát nhạc qua thẻ SD, USB, CD.
- Hỗ trợ hiển thị cảm biến khoảng cách.
- Chức năng cài đặt và hiển thị các thông số của một số hệ thống trên xe (VD: hệ thống cảm biến áp suất lốp TPMS, tham khảo trang 75).



3. Tính năng về an toàn.

a. Hệ thống tự động mở đèn pha

Hệ thống này bảo đảm tầm quan sát của bạn mà không cần phải thao tác tắt/mở đèn.

Khi kích hoạt thống này, khi xe đi vào khu vực có độ sáng không tốt, hệ thống chiếu sáng sẽ tự động kích hoạt. Khi xe đi khỏi khu vực có độ sáng không tốt, hệ thống chiếu sáng sẽ tự động tắt.



b. Hệ thống gạt mưa tự động

Hệ thống này bảo đảm tầm quan sát của bạn mà không cần phải thao tác bật/tắt gạt mưa.

Khi kích hoạt thống này, nếu xe đi vào khu vực có mưa, hệ thống sẽ tự động kích hoạt gạt mưa. Khi hết mưa, hệ thống sẽ tự động tắt gạt mưa.



I. CÁC TÍNH NĂNG NỔI BẬT

c. Gương chiếu hậu bên trong xe tự động chống chói

Xe của bạn được trang bị gương chiếu hậu có tính năng tự động chống chói trong trường hợp xe phía sau chiếu đèn vào gương nhằm đảm bảo tầm quan sát của bạn khi nhìn xe phía sau qua gương.

Khi bật chìa khóa, cảm biến (phía trước ①, phía sau ②) sẽ được kích hoạt

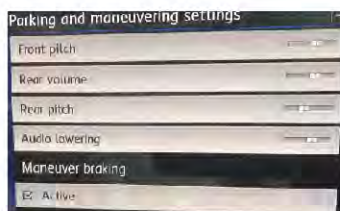
Chức năng tự động chống chói sẽ tắt trong một số trường hợp đặc biệt, VD: xe đang cài số lùi.



d. Hệ thống tự động phanh khẩn cấp khi lùi xe

Xe của bạn được trang bị hệ thống tự động phanh khẩn cấp khi lùi xe. Khi lùi xe với tốc độ dưới 10km/h, nếu phát hiện chướng ngại vật trong vùng nguy cơ va chạm, hệ thống sẽ tự động phanh khẩn cấp để tránh va chạm với chướng ngại vật.

Bạn có thể kích hoạt hoặc hủy tính năng này bằng việc cài đặt trên màn hình trung tâm: Vehicle setting -> Parking and maneuvering setting (như hình trên)



II. CÁC LƯU Ý KHI SỬ DỤNG

1. Lái xe tiết kiệm

- Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ giúp duy trì xe trong tình trạng tốt nhất và phát hiện trước những nguy cơ để ngăn ngừa các hư hỏng, giúp tiết kiệm chi phí. Ngoài ra, việc thay dầu bôi trơn, lọc gió động cơ, bu-gi,... trong quá trình kiểm tra bảo dưỡng định kỳ còn giúp cải thiện trực tiếp tới chất lượng (hiệu suất) hoạt động của động cơ.



- Kiểm tra, điều chỉnh áp suất lốp vì nếu lốp thiếu áp suất cũng sẽ ảnh hưởng đến việc tiêu hao nhiên liệu.



- Làm nóng động cơ: Động cơ sẽ tiêu hao nhiên liệu tối ưu nhất khi đã được làm nóng (trên 70°C). Không nên chạy xe khi động cơ chưa được làm nóng.



- Khi lái xe, bạn nên tập trung quan sát từ xa để biết phía trước có chướng ngại vật hay đèn đỏ để điều chỉnh tốc độ xe phù hợp. Không nên tăng ga đột ngột và không phanh gấp vì việc tăng hoặc giảm tốc độ đột ngột cũng khiến việc tiêu hao nhiên liệu tăng lên và nhanh thay má phanh.

II. CÁC LƯU Ý KHI SỬ DỤNG

- Chọn số phù hợp (Trong trường hợp sử dụng chế độ Sport Mode).

- Không chở những đồ vật nặng không cần thiết.

- Bạn nên thường xuyên tham khảo thông tin trong tính năng ThinkBlue Trainer trên màn hình trung tâm, để biết kết quả sử dụng thời gian qua của bạn, từ đó có thể điều chỉnh việc lái xe tối ưu hơn (Tham khảo trang 73).



- Sử dụng chức năng cruise control khi lái xe trên đường trường (nếu có thể) để tiết kiệm nhiên liệu cũng như để chuyển hành trình của bạn thoải mái hơn.



- Không nên tắt tính năng auto Start/Stop của xe vì nó giúp bạn tiết kiệm nhiên liệu trong trường hợp dừng chờ đèn đỏ, hoặc dừng do kẹt xe.



- Chỉ bật điều hòa hoặc các thiết bị điện khi cần thiết.

- Chỉ nên đổ đầy thùng nhiên liệu khi đi xa.

II. CÁC LƯU Ý KHI SỬ DỤNG

2. Lái xe an toàn

- Chỉ nên lái xe trong trạng thái tỉnh táo, không được lái xe trong tình trạng mệt mỏi, sử dụng chất kích thích và đồ uống có cồn.



- Sắp xếp lộ trình và dừng nghỉ phù hợp trong trường hợp bạn phải lái xe đường dài để tránh mệt mỏi, buồn ngủ.



- Nên sử dụng thảm sàn chính hãng theo xe và định vị cố định. Không được sử dụng thảm sàn không phù hợp để tránh việc kẹt chân ga, chân phanh.
- Luôn kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, ví dụ như dầu phanh, má phanh, tình trạng lốp xe,... để đảm bảo tính năng an toàn.
- Luôn tuân thủ luật khi tham gia giao thông.

3. Bảo quản bảo dưỡng xe khi không sử dụng

- Trước khi cất xe và để tránh hết bình hãy kiểm tra đảm bảo các cửa, nắp khoang động cơ... đã đóng kín, các thiết bị, hệ thống điện đều đã tắt.



II. CÁC LƯU Ý KHI SỬ DỤNG

- Không được tháo dây cọc bình của xe. Nếu ngắt, các thông số cài đặt có thể bị xóa. Nếu ngắt lâu, có thể gây hư hỏng cho các van điện bên trong hộp số.
- Dù không dùng xe nhưng để tránh bình tự phóng điện và yếu hoặc hỏng bình, hàng tuần hoặc tối đa hai tuần bạn nên nổ máy một lần (khoảng 30 phút) để nạp điện cho bình.



- Đậu xe một chỗ lâu ngày cũng gây hư hỏng cho lốp xe, bạn cần di chuyển xe để thay đổi vị trí tiếp xúc mặt đất của lốp. Đồng thời, bạn nên kiểm tra áp suất và bơm lốp, tránh để lốp xe bị thiếu áp suất.



- Ít nhất 3 tháng một lần, bạn phải chạy xe và sang số để đảm bảo các chi tiết bên trong động cơ, hộp số được bôi trơn và vận hành, đĩa phanh không bị rỉ sét.



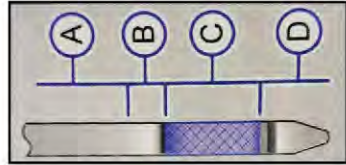
- Nếu đậu xe lâu, bạn nên chọn khu vực bằng phẳng và chêm bánh xe – không nên gài phanh tay (phanh đỗ xe) để tránh bị kẹt ổ phanh.

- Đậu xe nên chọn khu vực khô thoáng sạch sẽ, có mái che, tránh nguy cơ ngập nước, tránh chuột và côn trùng xâm hại, tránh phân chim và mưa hóa chất.

II. CÁC LƯU Ý KHI SỬ DỤNG

4. Kiểm tra, chuẩn bị trước chuyến đi xa

- Kiểm tra mức dầu động cơ xem có bị thấp thì châm thêm, nếu bẩn quá hoặc gần đến kỳ thay thì thay dầu mới.
- Nếu mực dầu động cơ trên que thăm nằm trong mức © như trong hình thì là tốt.
- Các loại nước và dung dịch khác như nước máy, nước rửa kính, dầu phanh, đảm bảo đầy đủ và đã thay đúng định kỳ.



- Kiểm tra độ chặt dây cọc bình, tình trạng axit trong bình thông qua việc quan sát "mắt thần" và thay mới nếu cần. Bạn cũng có thể mang theo dây câu bình hoặc thiết bị kích bình cầm tay.



- Nên đổ đầy thùng nhiên liệu trước chuyến đi dài.



- Kiểm tra hệ thống chiếu sáng hoạt động bình thường.

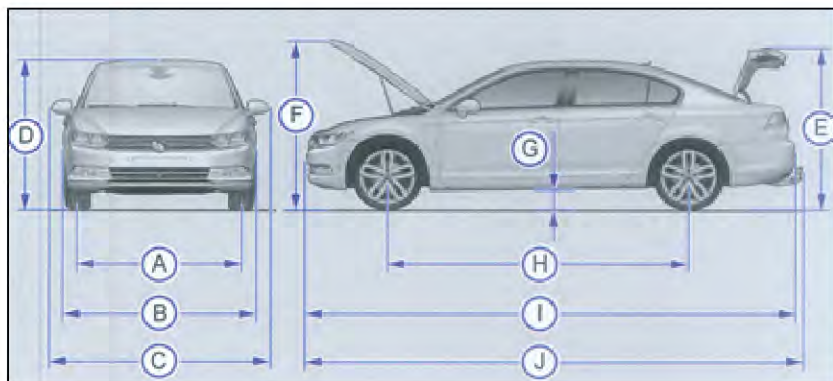
II. CÁC LƯU Ý KHI SỬ DỤNG

- Kiểm tra tình trạng lốp xe có bị nứt, phù, bị cán đá hay đinh thì phải xử lý hoặc thay thế.
- Kiểm tra và điều chỉnh áp suất lốp phù hợp tải trọng của chuyến đi bằng một trong các cách sau:
 - > Kiểm tra trên tạp lô.
 - > Kiểm tra trên màn hình trung tâm.
 - > Kiểm tra bằng đồng hồ áp suất lốp và so sánh với áp suất tiêu chuẩn dán bên trong nắp đậy nhiên liệu).
- Phải kiểm tra cả bánh dự phòng để sẵn sàng trong trường hợp cần sử dụng.
- Bạn nên chuẩn bị các hành lý, đồ dùng cá nhân và nghỉ ngơi hợp lý để chuyến đi được thoải mái nhất.



III. TỔNG QUAN BÊN NGOÀI XE

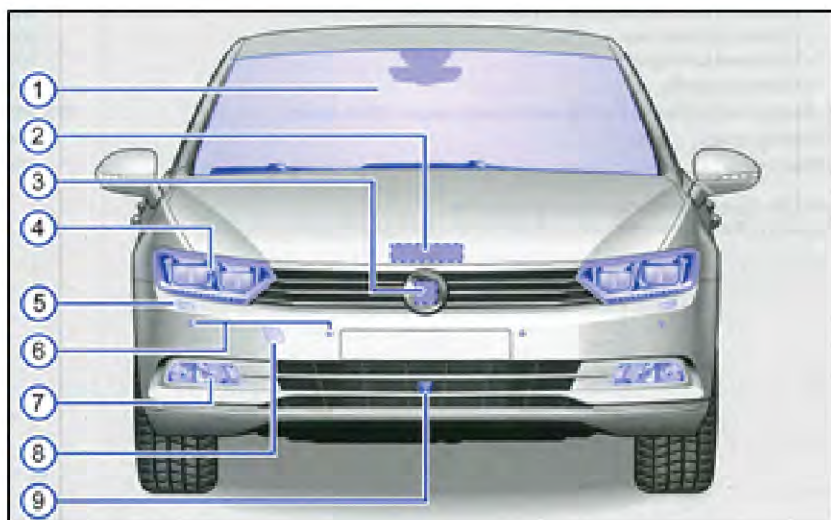
1. Các thông số kích thước cơ bản:



A	Khoảng cách bánh xe trước	1584
	Khoảng cách bánh xe sau	1568
B	Bề rộng xe không tính gương chiếu hậu ngoài	1832
C	Bề rộng xe	2074
D	Chiều cao xe	1456
E	Chiều cao khi mở cốp	-
F	Chiều cao khi mở nắp khoang động cơ	-
G	Khoảng sáng gầm xe	-
H	Khoảng cách bánh xe trước	2791
I	Chiều dài xe	4767
J	Chiều dài xe khi gấn móc kéo	-

III. TỔNG QUAN BÊN NGOÀI XE

2. Phía trước xe

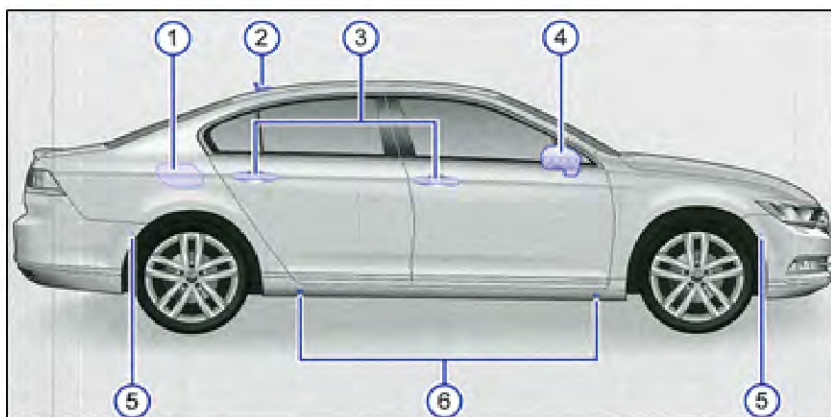


- ① Khu vực kính chắn gió
 - Gạt mưa
 - Cảm biến mưa/ ánh sáng
 - Sưởi kính (Nếu được trang bị)
 - Cảm biến hệ thống điều chỉnh cường độ sáng (Nếu được trang bị)
 - Camera phía trước (Nếu được trang bị)
 - Số khung xe
- ② Cản gạt mở nắp khoang động cơ
- ③ Cảm biến Radar nằm sau logo của hệ thống:
 - ACC
 - Hỗ trợ phía trước (Front Assist) bao gồm chức năng hỗ trợ phanh tự động
 - Giám sát người đi đường
 - Hỗ trợ kẹt xe
 - Hỗ trợ khẩn cấp
- ④ Đèn chiếu sáng phía trước
- ⑤ Hệ thống rửa đèn
- ⑥ Cảm biến khoảng cách phía trước

III. TỔNG QUAN BÊN NGOÀI XE

- ⑦ Đèn dưới cản
 - Đèn sương mù
 - Đèn chạy ngày
 - Đèn hỗ trợ khi đánh lái
- ⑧ Nắp che vị trí gắn móc kéo xe phía trước
- ⑨ Camera (nếu được trang bị)

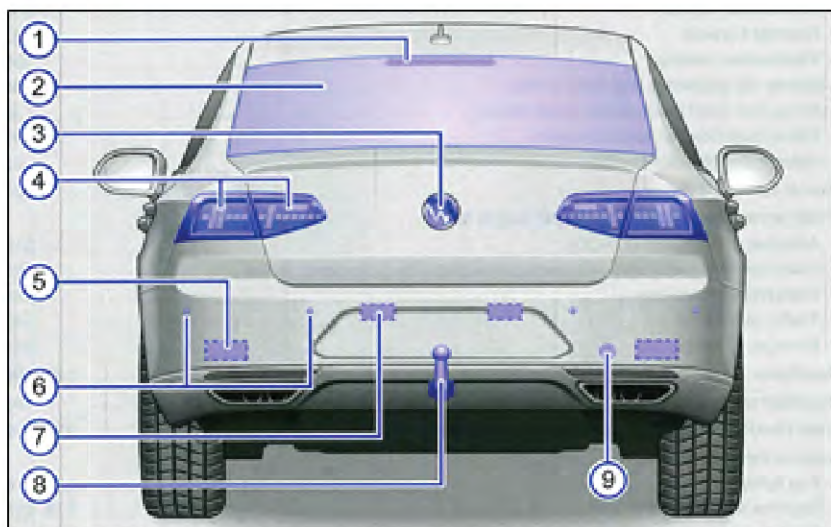
3. Phía hông xe



- ① Vị trí mở nắp thùng xăng
- ② Ăng ten
- ③ Tay nắm cửa
- ④ Gương chiếu hậu bên ngoài
 - Hiển thị thông báo hệ thống chuyển làn (Nếu được trang bị)
 - Camera (Nếu được trang bị)
 - Đèn báo rẽ
 - Đèn định vị xe
- ⑤ Cảm biến khoảng cách bên hông (Nếu được trang bị)
- ⑥ Vị trí gắn con đội nâng xe

III. TỔNG QUAN BÊN NGOÀI XE

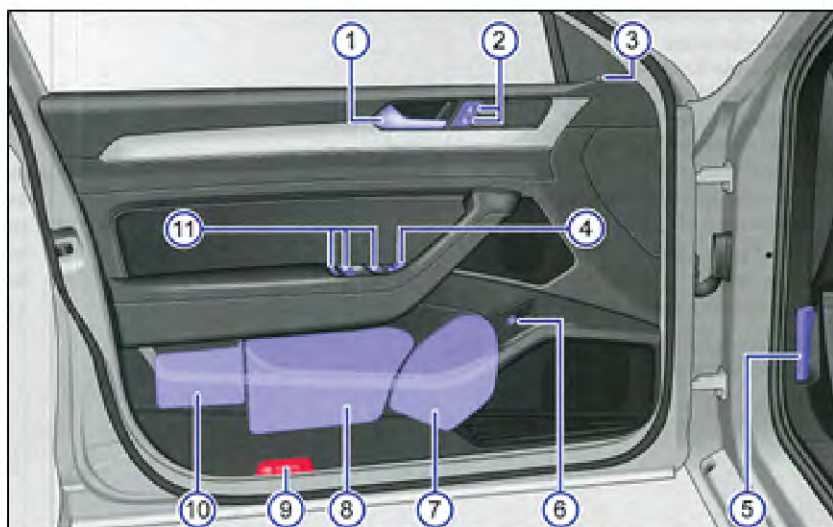
4. Phía sau xe



- ① Đèn báo phanh
- ② Kính chắn gió phía sau tích hợp:
 - Sưởi kính
 - Ẩng ten
- ③ Logo tích hợp:
 - Nút mở cốp
 - Camera lùi
- ④ Đèn kích thước
- ⑤ Cảm biến hệ thống cảnh báo điểm mù
- ⑥ Cảm biến khoảng cách phía sau xe
- ⑦ Đèn chiếu biển số
- ⑧ Móc kéo thùng xe
- ⑨ Vị trí gắn móc kéo xe phía sau

IV. TỔNG QUAN BÊN TRONG XE

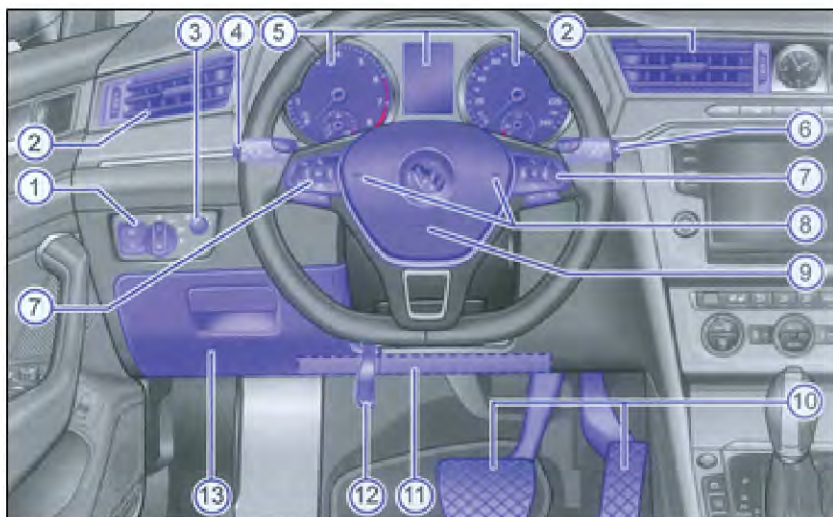
1. Cửa trước – Phía người lái



- ① Tay mở cửa bên trong
- ② Công tắc khóa/mở cửa trung tâm
- ③ Đèn báo hệ thống khóa cửa trung tâm
- ④ Công tắc chỉnh gương chiếu hậu bên ngoài
- ⑤ Cần mở nắp khoang động cơ
- ⑥ Công tắc mở cốp
- ⑦ Hộc đựng chai nước
- ⑧ Hộc đựng đồ
- ⑨ Đèn báo mở cửa hoặc tấm phản chiếu
- ⑩ Vị trí đặt áo phản quang
- ⑪ Cụm công tắc nâng hạ kính

IV. TỔNG QUAN BÊN TRONG XE

2. Tổng quan vị trí người lái



① Công tắc hệ thống đèn chiếu sáng phía trước bao gồm:

- Đèn chạy ngày
- Hệ thống chiếu sáng tự động
- Đèn định vị và đèn chiếu gần
- Đèn sương mù

② Cửa gió hệ thống điều hòa không khí

③ Công tắc điều chỉnh cường độ sáng (Nếu được trang bị)

④ Cần gạt bên trái, bao gồm các chức năng:

- Bật đèn chiếu xa
- Chớp đèn ưu tiên
- Đèn báo rẽ
- Đèn đỗ xe
- Công tắc hệ thống hỗ trợ tài xế (Nếu được trang bị)

⑤ Taplo

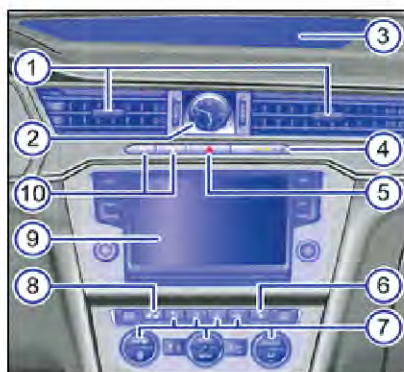
⑥ Cần gạt bên phải, bao gồm các chức năng:

- Điều khiển hệ thống gạt mưa phía trước
- Cài đặt thời gian gạt mưa ngắt quãng
- Bật chế độ bảo dưỡng gạt mưa

IV. TỔNG QUAN BÊN TRONG XE

- ⑦ Cụm công tắc đa chức năng trên vô lăng, bao gồm:
 - Điều khiển hệ thống kiểm soát hành trình (Cruise control)
 - Tăng giảm âm lượng loa
 - Điều khiển hệ thống thông tin giải trí
 - Nhận cuộc gọi
- ⑧ Còi
- ⑨ Túi khí tài xe phía trước
- ⑩ Cụm bàn đạp
- ⑪ Vị trí đặt túi khí đầu gối (Nếu được trang bị)
- ⑫ Cần điều chỉnh vị trí vô lăng
- ⑬ Hộp đựng đồ

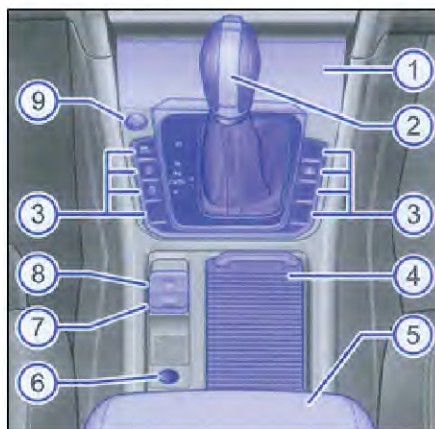
3. Phần trước hộp trung tâm



- ① Cửa gió hệ thống điều hòa không khí
- ② Đồng hồ
- ③ Thông hơi
- ④ Đèn báo tắt túi khí hành khách
- ⑤ Công tắc đèn báo nguy hiểm
- ⑥ Công tắc chức năng sưởi ghế bên phải (Nếu được trang bị)
- ⑦ Cụm công tắc điều khiển hệ thống điều hòa không khí
- ⑧ Công tắc chức năng sưởi ghế bên trái (Nếu được trang bị)
- ⑨ Hệ thống thông tin giải trí
- ⑩ Công tắc kích hoạt hệ thống cảm biến khoảng cách, hỗ trợ đỗ xe (Nếu được trang bị)

IV. TỔNG QUAN BÊN TRONG XE

4. Phần giữa hộp trung tâm



- ① Khay đựng đồ, tích hợp
 - Ổ cắm 12V
 - Gạt tàn, mỗi thuốc
 - Cổng kết nối USB
- ② Cần sang số
- ③ Cụm công tắc của các hệ thống, bao gồm:
 - Hệ thống kiểm soát lực kéo (TCS)
 - Hệ thống cân bằng điện tử (ESP)
 - Kéo rèm che nắng phía sau
 - Chọn chế độ lái
 - Hệ thống tự động ngắt động cơ (Auto Start/Stop system)
- ④ Hộp đựng đồ
- ⑤ Tựa tay
- ⑥ Mỗi thuốc hoặc gạt tàn
- ⑦ Công tắc chức năng Auto – Hold
- ⑧ Công tắc phanh tay điện tử
- ⑨ Công tắc khởi động động cơ

IV. TỔNG QUAN BÊN TRONG XE

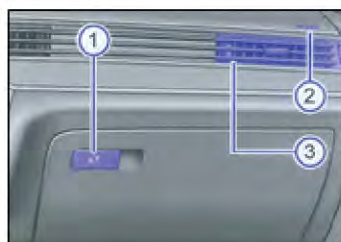
5. Phần sau hộp trung tâm

- ① Cửa gió hệ thống điều hòa không khí
- ② Hộp đựng đồ
- ③ Ổ cắm 12V



6. Tổng quan vị trí hành khách phía trước

- ① Cần gạt mở hộp đựng đồ tích hợp ổ khóa
- ② Túi khí hành khách
- ③ Cửa gió hệ thống điều hòa không khí
- ④ Ổ khóa tắt/bật túi khí hành khách phía trước



IV. TỔNG QUAN BÊN TRONG XE

7. Đồng hồ taplo và các đèn báo



- ① Đồng hồ đo tốc độ vòng quay của động cơ (x1000 vòng/phút). Điểm đầu tiên của vùng màu đỏ thể hiện tốc độ tối đa của động cơ ứng với mỗi cấp số. Bạn nên tăng số hoặc di chuyển cần số về vị trí D/S trước khi kim báo chạm vạch đỏ
- ② Đồng hồ báo nhiệt độ nước làm mát
- ③ Màn hình taplo
- ④ Nút Reset, cài đặt và điều chỉnh trên màn hình taplo
- ⑤ Đồng hồ tốc độ xe
- ⑥ Đồng hồ báo xăng

7.1. Đồng hồ báo nhiệt độ nước làm mát

Mức (A) : Nhiệt độ thấp

Mức (B) : Nhiệt độ làm việc bình thường

Mức (C) : Nhiệt độ quá cao

Trường hợp kim báo ở mức(A): Tránh việc tăng tốc độ động cơ và tăng tải cho đến khi động cơ đạt được nhiệt độ làm việc.

Khi đèn báo nhiệt độ nước làm mát 



chớp liên tục, một số trường hợp có thể xảy ra như sau:

- Kim báo không hoạt động: Có lỗi ở hệ thống làm mát động cơ. Cần phải dừng xe và liên hệ sự trợ giúp của chuyên gia.
- Kim báo ở mức (B) : Mức nước làm mát quá thấp. Sau khi động cơ đã giảm nhiệt độ, tiến hành kiểm tra mức nước làm mát và nạp thêm nếu mức nước làm mát quá thấp. Trong trường hợp mức nước làm mát nằm trong giới hạn, nghĩa là hệ thống làm mát đang bị lỗi, cần liên hệ chuyên gia để được hỗ trợ.
- Kim báo ở mức (C) : Nhiệt độ nước làm mát quá cao, Cần phải dừng xe lại sau đó chờ cho đến khi động cơ đã giảm nhiệt độ và kiểm tra lại mức nước làm mát.

IV. TỔNG QUAN BÊN TRONG XE

7.2. Đồng hồ báo mức nhiên liệu

Trong trường có đèn báo và kim báo mức xăng nằm ở khu vực màu đỏ như hình nghĩa là nhiên liệu gần như đã cạn. Bạn cần phải đổ đầy nhiên liệu càng sớm càng tốt.

Chỉ sử dụng xăng RON95



Lưu ý

Việc lái xe trong trường hợp nhiên liệu còn quá thấp có thể dẫn đến nguy cơ động cơ ngừng hoạt động bất ngờ

Luôn điền đầy lại nhiên liệu khi đồng hồ báo chỉ còn khoảng 1/4 thùng nhiên liệu. Điều này giúp giảm nguy cơ hết nhiên liệu và động cơ ngừng hoạt động.

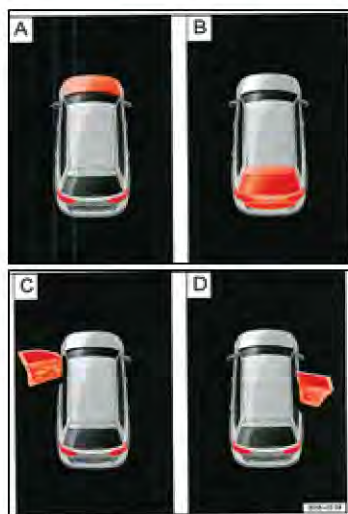
7.3. Màn hình trên taplo

Màn hình trên taplo thể hiện trạng thái của các cửa, nắp khoang động cơ và cửa khoang hành lý là đang mở khi xe được mở khóa và trong khi xe chuyển động. Một số trường hợp sẽ có tín hiệu âm thanh phát ra để cảnh báo

- Ⓐ Nắp khoang động cơ đang mở hoặc chưa đóng hoàn toàn
- Ⓑ Cửa khoang hành lý đang mở hoặc chưa đóng hoàn toàn
- Ⓒ & Ⓓ Cửa đang mở hoặc chưa đóng hoàn toàn

Một số thông tin có thể hiển thị trên màn hình taplo như sau:

- Trạng thái cửa, nắp khoang động cơ, cửa khoang hành lý
- Tín hiệu cảnh báo hoặc thông tin
- Quãng đường đã đi
- Thời gian



IV. TỔNG QUAN BÊN TRONG XE

- Thông tin của hệ thống thông tin giải trí
- Chức năng kết nối điện thoại
- Nhiệt độ ngoài trời
- Hiển thị số đang được chọn
- Một số thông tin liên quan đến hành trình
- Nhắc bảo dưỡng
- Cảnh báo tốc độ
- Thông tin chức năng start-stop

7.4. Nhắc bảo dưỡng

Một số nhắc nhở có thể xuất hiện trên màn hình như sau:



- **Oil change now!:** Nhắc nhở tới định kỳ thay nhớt
- **Inspection now!:** Nhắc nhở tới định kỳ kiểm tra bảo dưỡng.
- **Oil change and Inspection now!:** Nhắc nhở tới định kỳ kiểm tra thay nhớt và bảo dưỡng

7.5. Đèn báo trên taplo

Biểu tượng	Hiển thị cảnh báo
	Không được lái xe! Mức dầu phanh quá thấp, lỗi hệ thống phanh Phanh đỗ đang tác dụng
	Không được lái xe! Phanh tay điện tử đang được bật
	Nhấp nháy: Không được lái xe! Hệ thống trợ lực lái điện đang khóa
	Không được lái xe! Lỗi hệ thống làm mát động cơ
	Không được lái xe! Áp suất dầu động cơ quá thấp

IV. TỔNG QUAN BÊN TRONG XE

	Dây đai an toàn ghế người lái và hành khách chưa được cài
	Lỗi máy phát điện, bình ắc quy
	Lỗi cảm biến mưa/ánh sáng
	Má phanh mòn quá mức
	Nhảy nhanh: hệ thống cân bằng điện tử đang hoạt động (ESP) Sáng: lỗi ESP hoặc đang tắt
	Sáng lên: Có thể là do bình Ắc quy vừa bị tháo và gắn lại Nhấp nháy: Hệ thống trợ lực lái bị lỗi hoặc bị khóa
	Lỗi ABS hoặc đang không hoạt động
	Đèn sương mù sau bật
	Đèn sương mù trước bật
	Bóng đèn hỏng
	Lỗi bộ xúc tác khí thải
	Lỗi hệ thống điều khiển động cơ
	Hệ thống gạt mưa bị lỗi
	Áp suất lốp quá thấp Lỗi hệ thống theo dõi áp suất lốp
	Mức nước rửa kính quá thấp
	Mức nhiên liệu thấp quá mức
	Lỗi túi khí và lỗi hệ thống dây đai an toàn
	Tín hiệu rẽ trái hoặc phải
	Đèn ưu tiên đang bật
	Giữ bàn đạp chân phanh
	Hệ thống Kiểm soát hành trình đang hoạt động
	Đèn pha bật hoặc nhấp pha
	Nhắc nhở bảo dưỡng hoặc quá ngày bảo dưỡng

IV. TỔNG QUAN BÊN TRONG XE

8. Trần xe

- ① Nút mở ngăn chứa đồ
- ② Cụm công tắc điều khiển

	Bật/Tắt chức năng tự động bật/tắt đèn nội thất khi mở hoặc đóng cửa
	Bật/ Tắt đèn nội thất phía sau xe
	Bật/Tắt đèn đọc sách
	



- ③ Đèn đọc sách phía trước
- ④ Vị trí cảm biến giám sát bên trong xe hoặc microphone

9. Khoang hành lý phía sau

Khoang hành lý phía sau xe được thiết kế các móc cài cho phép người sử dụng có thể cố định những hàng lý bên trong xe. Vị trí các móc cài tham khảo ở hình bên.



Ngoài ra trong khoang hành lý còn bố trí 1 móc treo đồ sử dụng cho những túi đồ có trọng lượng nhẹ.



V. VẬN HÀNH XE

1. Thao tác đóng mở cửa và cốp

1.1. Chìa khóa

Chìa khóa thông minh được sử dụng để khóa hoặc mở khóa xe ở một khoảng cách nhất định.

Bộ truyền tín hiệu và pin được tích hợp vào bên trong chìa khóa. Bộ nhận tín hiệu từ chìa khóa được đặt bên trong xe. Khoảng cách truyền tín hiệu khoảng vài mét xung quanh xe khi mà pin chìa khóa đang đầy điện.

Trong trường hợp không thể khóa hoặc mở khóa cửa bằng chìa khóa, chìa khóa cần phải được cài đặt lại hoặc pin chìa khóa đã hết.



Lưu ý

Chức năng điều khiển từ xa của chìa khóa có thể bị ảnh hưởng tạm thời nếu có nhiều bộ phát sóng hoạt động cùng lúc trong phạm vi hoạt động của chìa khóa. (VD: điện thoại di động)

Vật cản giữa chìa khóa và xe càng nhiều, thời tiết xấu, pin của chìa khóa yếu cũng hạn chế phạm vi hoạt động của chìa khóa.

Nếu bấm một trong các công tắc trên chìa khóa nhiều lần trong một khoảng thời gian ngắn, thì hệ thống điều khiển trung tâm sẽ tạm thời ngừng hoạt động để tránh tình trạng quá tải. Trong lúc đó xe bạn sẽ tự động mở khóa. Bạn vui lòng lưu ý khóa xe bằng chìa cơ nếu cần thiết hoặc chờ hệ thống vận hành trở lại.

Tháo chìa khóa cơ:

Chìa khóa cơ được đặt bên trong chìa khóa thông minh và được dùng để khóa/mở khóa xe trong trường hợp không sử dụng được chìa khóa thông minh.

Cách tháo chìa khóa cơ:

- ① Đẩy lấy khóa theo hướng mũi tên
- ② Kéo chìa khóa cơ lên
- ③ Tháo chìa khóa cơ ra ngoài và thả lấy khóa số ①



V. VẬN HÀNH XE

Ngoài ra chìa khóa cơ còn có thể sử dụng để:

- Bật/tắt túi khí hành khách phía trước
- Mở/ khóa hộc đựng đồ phía trước ghế hành khách
- Mở khóa khoang hành lý từ bên trong xe

Đèn báo trên chìa khóa:

Đèn báo trên chìa khóa xe chớp khi nhấn bất cứ nút nào trên chìa khóa và sẽ chớp liên tục trong trường hợp bạn nhấn giữ nút mở/ khóa xe.

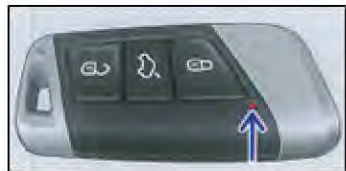
Trong trường hợp đèn báo trên chìa khóa không sáng, có thể pin chìa khóa đã hết. Cần kiểm tra và thay pin chìa khóa nếu cần thiết.

Hướng dẫn thay pin chìa khóa:

Pin chìa khóa được đặt phía sau nắp che mặt sau của chìa khóa.

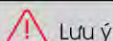
Việc thay pin chìa khóa được thực hiện như sau:

- Tháo chìa khóa cơ
- Lật mặt sau của chìa khóa lên
- Sử dụng vít dẹt có kích thước phù hợp (Bề rộng khoảng 3mm) đưa vào vị trí đặt chìa khóa cơ trên chìa khóa (Khoảng 12mm) theo hướng mũi tên
- Xoay vít dẹt theo hướng cùng chiều kim đồng hồ cho đến khi nắp che mặt sau của chìa khóa bung ra và tháo nó ra ngoài.



V. VẬN HÀNH XE

- Cần thận lấy pin ra khỏi chìa khóa.
- Thay pin mới vào. Chú ý về cực của pin khi lắp vào.
- Đậy nắp che mặt sau chìa khóa lại
- Gắn lại chìa khóa cơ



Lưu ý

Chìa khóa xe có thể bị hư hỏng nếu việc thay pin không được tiến hành đúng cách.

Pin không phù hợp có thể gây ra hư hỏng cho chìa khóa. Pin mới được thay cho pin cũ phải phù hợp về điện áp (Số volt), cùng kích cỡ và cùng tiêu chuẩn kỹ thuật

1.2. Mở/khóa cửa xe tự động

Khóa xe tự động:

Xe có thể tự động khóa trong trường hợp tốc độ lớn hơn 15 km/h. Khi xe được khóa đèn báo trên công tắc khóa của trung tâm bên trong xe sẽ sáng màu vàng

Mở khóa xe tự động:

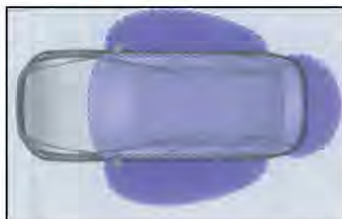
Xe có thể tự động mở khóa tất cả các cửa và khoang hành lý trong một số tình huống sau:

- Xe dừng hẳn và có một cửa được mở từ bên trong
- Xe bị tai nạn, túi khí nổ.

1.3. Khóa và mở khóa xe bằng hệ thống Keyless Entry

Hệ thống Keyless Entry cho phép khóa hoặc mở khóa xe mà không cần sử dụng đến chìa khóa.

Hệ thống chỉ hoạt động khi có chìa khóa phù hợp nằm trong vùng nhận tín hiệu của xe như hình trên (khoảng 1.5m)

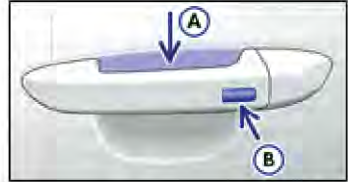


V. VẬN HÀNH XE

Cách sử dụng:

- Mang chìa khóa vào vùng nhận tín hiệu của xe.
- Đặt tay vào vị trí cảm biến (B) trên tay nắm cửa để khóa xe.
- Đặt tay vào vị trí cảm biến (A) để mở khóa xe

Khi khóa/mở khóa xe bằng hệ thống Keyless Entry đèn báo rê trước và sau đều sẽ chớp báo hiệu xe đã khóa hoặc mở khóa.



1.4. Khóa/Mở khóa xe từ bên ngoài

Sử dụng chìa khóa để mở/ khóa xe từ bên ngoài.

- Mở khóa xe: Nhấn nút  trên chìa khóa 1 lần để mở khóa xe. Nhấn và giữ để mở khóa xe thông minh (Mở khóa và hạ kính).
- Khóa xe: Nhấn nút  trên chìa khóa 1 lần để khóa xe và kích hoạt Safelock. Nhấn nút  trên chìa khóa 2 lần để khóa xe và không kích hoạt Safelock. Nhấn và giữ nút  trên chìa khóa để khóa xe thông minh (Khóa xe, gập gương và lên kính)
- Mở khóa khoang hành lý: Nhấn nút 



SAFELOCK

Chức năng SAFELock giúp vô hiệu hóa lấy mở khóa xe bên trong, vì vậy khi khóa xe với SAFELock sẽ không thể mở cửa xe từ bên trong bằng lấy mở khóa trên cửa.

V. VẬN HÀNH XE

1.5. Khóa/Mở khóa xe từ bên trong xe

Cụm công tắc khóa/mở cửa đặt ở phía cửa người lái.

- Nhấn  để khóa cửa
- Nhấn  để mở khóa cửa
- Trong trường hợp sử dụng công tắc bên trong xe để khóa cửa, một số thông tin cần lưu ý như sau:
 - Đèn báo trên công tắc sẽ sáng vàng khi tất cả các cửa đã đóng và khóa.
 - Chức năng SAFELock sẽ không được kích hoạt.
 - Hệ thống chống trộm sẽ không hoạt động
 - Không thể mở khoang hành lý từ bên ngoài.
 - Có thể mở cửa bằng lấy mở cửa trên cửa và đèn báo trên công tắc sẽ tắt đi.

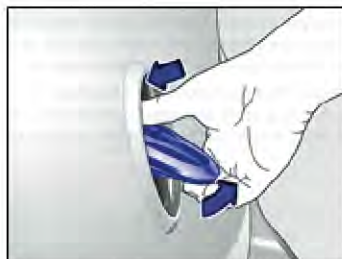


1.6. Mở và đóng khoang hành lý

Mở khoang hành lý từ bên trong xe bằng cách kéo công tắc được đặt ở cửa người lái.



Mở khoang hành lý từ bên ngoài bằng cách lật nắp logo được đặt phía sau xe.



V. VẬN HÀNH XE

Sử dụng tay nắm ở nắp khoang hành lý để kéo và đóng khoang hành lý.



Khoang hành lý sẽ tự động khóa lại nếu như nó không được mở ra trong vòng 30 giây kể từ khi mở khóa xe.

Khi xe đã khóa, trong trường hợp mở khóa khoang hành lý bằng nút  trên chìa khóa, khoang hành lý sẽ tự động khóa lại sau 20 giây kể từ khi nó được đóng lại.

Trong trường hợp khoang hành lý chỉ đóng lại mà không được khóa, nó sẽ tự động khóa lại khi tốc độ xe lớn hơn 9 km/h.

1.7. Mở nắp thùng nhiên liệu



Lưu ý

Trước khi mở nắp thùng nhiên liệu, tiến hành tắt chìa khóa, tắt các thiết bị sưởi, tránh xa vùng có nhiệt độ quá cao

Mở nắp thùng nhiên liệu:

- Mở khóa xe.
- Nhấn vào phần đuôi của nắp che thùng nhiên liệu và bật nó ra ngoài.
- Xoay nắp đẩy thùng nhiên liệu bên trong để mở ra và đặt lên vị trí giá đỡ của nắp che thùng nhiên liệu



Đóng nắp thùng nhiên liệu:

- Vận nắp thùng nhiên liệu theo hướng cùng chiều kim đồng hồ.
- Đẩy nắp che thùng nhiên liệu và đẩy nó vào vị trí khóa.

V. VẬN HÀNH XE

1.8. Mở nắp khoang động cơ

Mở nắp khoang động cơ:

- Kiểm tra và đảm bảo gạt mưa đã ở vị trí thấp nhất
- Mở cửa tài xế và kéo lấy mở khóa theo hướng như trên hình.
- Kéo lấy mở đặt phía dưới nắp khoang động cơ và nhấn nó lên hết hành trình.



Đóng nắp khoang động cơ:

- Kéo nắp khoang động cơ xuống và giữ lại ở vị trí cách vị trí khóa khoảng 30 cm.
- Thả cho nắp khoang động cơ tự rơi xuống và sẽ tự động khóa lại.
- Trong trường hợp nắp khoang động cơ đóng không hoàn toàn, tiến hành mở nó ra và đóng lại theo trình tự như trên



2. Hệ thống giám sát bên trong xe (Nếu được trang bị)

Hệ thống giám sát bên trong xe sẽ tự động phát tín hiệu cảnh báo (âm thanh và chớp đèn) nếu phát hiện có sự chuyển động bên trong xe khi xe đã khóa. Hệ thống tự động kích hoạt chức năng giám sát khi xe được khóa.

Tắt chức năng giám sát bên trong xe:

Nhấn nút  được đặt ở góc dưới cột B của xe, đèn trên nút sáng màu vàng nghĩa là hệ thống đã được tắt.

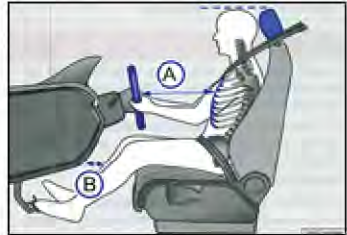


V. VẬN HÀNH XE

3. Điều chỉnh tư thế ngồi

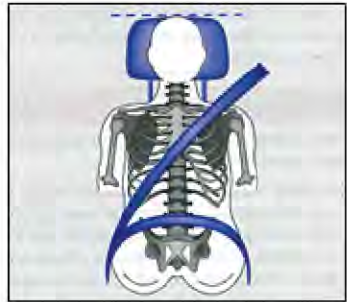
Khoảng cách an toàn

Luôn đảm bảo khoảng (A) giữa người lái và vô lăng ít nhất 25 cm. Khoảng cách (B) từ taplo đến đầu gối ít nhất là 10 cm.



Điều chỉnh tư thế ngồi:

- Điều chỉnh tựa đầu sao cho phần cao nhất của tựa đầu trùng với phần cao nhất của đầu người ngồi. Luôn tựa phần đầu vào bề mặt của tựa đầu nếu có thể.
- Đối với xe có thể điều chỉnh tựa đầu theo hướng ngang, luôn điều chỉnh sao cho phần tựa đầu gần với đầu của người lái nhất.
- Điều chỉnh đệm lưng để lưng của người lái luôn chạm vào phần đệm lưng của ghế
- Đối với những người quá thấp nên điều chỉnh tựa đầu xuống vị trí thấp nhất.
- Ngược lại đối với những người quá cao nên điều chỉnh tựa đầu lên vị trí cao nhất.
- Luôn đặt 2 chân xuống phần đệm chân phía dưới khi xe đang di chuyển.
- Luôn sử dụng đai an toàn



Riêng đối với vị trí ngồi của người lái

- Luôn đáp ứng khoảng cách an toàn.
- Phần vô lăng phải luôn hướng vào phần ngực, tránh hướng trực tiếp vào phần mặt của người lái.
- Điều chỉnh độ cao ghế sao cho phù hợp với tầm quan sát
- Luôn đặt chân ở dưới khoang đặt chân để đảm bảo luôn có thể điều khiển xe trong mọi tình huống.

Riêng đối với vị trí ngồi của hành khách

- Điều chỉnh ghế càng xa vị trí nổ của túi khí để đảm bảo an toàn khi túi khí nổ

V. VẬN HÀNH XE

4. Chỉnh tay lái

Vành tay lái có thể điều chỉnh theo 4 hướng (cao/thấp và gập gù) như mũi tên trong hình bên.

Để chỉnh được tay lái, bạn phải nhả khóa bằng cách gạt cần ① xuống dưới. Sau khi chỉnh, bạn phải khóa lại bằng cách gạt cần ① lên phía trên.



Lưu ý

Luôn kiểm tra cần số ① đã gạt lên vị trí khóa trước khi lái xe
Không được điều chỉnh vô lăng khi xe đang chuyển động
Đảm bảo vị trí vô lăng luôn hướng vào phần ngực, tránh điều chỉnh hướng vào mặt vì có thể gây nguy hiểm khi xảy ra tai nạn

5. Sử dụng dây đai an toàn

5.1. Thắt dây đai

Luôn luôn thắt dây an toàn trước mỗi chuyến đi.

- Luôn luôn điều chỉnh ghế và tựa đầu ở vị trí phù hợp.
- Điều chỉnh lưng ghế ở vị trí sao cho việc ngồi và quan sát được thoải mái.
- Nắm lấy đai an toàn và kéo sao cho vừa với cơ thể.
- Sau đó, thắt dây đai an toàn.
- Kiểm tra lại dây đai đã được thắt chặt hay chưa.



5.2. Tháo dây đai

Chỉ tháo dây khi xe đã tắt máy và đậu vào nơi an toàn.

- Ấn vào nút đỏ ở chỗ gài dây an toàn.
- Sau đó, cầm dây an toàn để dây tự động rút lại đúng vị trí.



V. VẬN HÀNH XE

5.3. Điều chỉnh dây đai

- Cầm và ấn vào bộ điều chỉnh chiều cao của dây an toàn theo mũi tên trong hình.
- Sau đó, giữ và di chuyển bộ điều chỉnh dây an toàn lên và xuống sao cho phù hợp với cơ thể.
- Khi đã điều chỉnh xong, buông bộ điều chỉnh.
- Kiểm tra lại bằng cách thử kéo lên và kéo xuống để chắc chắn rằng bộ điều chỉnh đã cố định ở vị trí mong muốn.

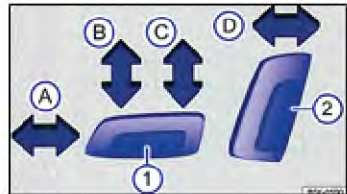


6. Chức năng chỉnh ghế, Nhớ vị trí ghế và mát-xa ở hàng ghế phía trước

6.1. Chỉnh ghế

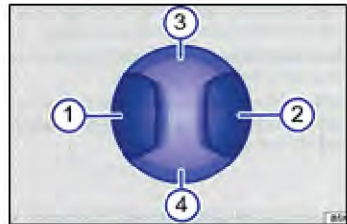
Cụm công tắc điều chỉnh vị trí ghế:

- (A) - Điều chỉnh ghế đi tiến hoặc lùi
- (B)(C) - Điều chỉnh ghế đi lên hoặc xuống
- (D) - Điều chỉnh lưng ghế ngả trước hoặc sau



Cụm công tắc điều chỉnh độ cong lưng ghế:

- (1) - Tăng độ cong lưng ghế về phía trước
- (2) - Giảm độ cong lưng ghế về phía sau
- (3) - Hướng độ cong lưng ghế lên trên
- (4) - Hướng độ cong lưng ghế xuống dưới



6.2. Nhớ vị trí ghế

- Công tắc nhớ ghế dùng cho việc lưu trữ lại vị trí ghế và vị trí gương chiếu hậu bên ngoài mà bạn đã cài đặt để sau này bạn không cần phải điều chỉnh lại.



V. VẬN HÀNH XE

- Các bước cài đặt đối với ghế tài:
 - Gài phanh điện.
 - Cài hộp số về số N.
 - Bật chìa khóa.
 - Điều chỉnh ghế và gương chiếu hậu ngoài tới vị trí mong muốn.
 - Bấm và giữ nút **[SET]** lâu hơn 1 giây.
 - Chọn, bấm và giữ một trong hai nút ①, ② trong vòng 10 giây. Sau đó, sẽ có âm thanh phát ra báo hiệu việc lưu vị trí ghế và gương đã hoàn tất.
- Các bước cài đặt đối với ghế hành khách phía trước:
 - Bật chìa khóa.
 - Điều chỉnh ghế hành khách phía trước tới vị trí mong muốn.
 - Bấm và giữ nút **[SET]** lâu hơn 1 giây.
 - Chọn, bấm và giữ một trong hai nút ①, ② trong vòng 10 giây. Sau đó, sẽ có âm thanh phát ra báo hiệu việc lưu vị trí ghế đã hoàn tất.
- Cách để sử dụng công tắc nhớ ghế.
 - Khi xe đang đậu tại chỗ và chìa khóa đang bật, bấm các nút ①, ② để ghế và gương chiếu hậu trở về vị trí đã lưu trước đó.
 - HOẶC: Khi đang tắt chìa khóa, bấm và giữ các nút ①, ② cho tới khi ghế và gương chiếu hậu trở về vị trí đã lưu trước đó.

6.3. Chức năng mát-xa

Chức năng mát-xa được trang bị (nếu có) cho hai ghế phía trước. Vận hành chức năng thông qua việc nhấn công tắc như hình bên.



7. Gập hàng ghế thứ hai

Hàng ghế thứ 2 được chia làm 2 phần và có trang bị lẫy gập ghế gắn trực tiếp trên mỗi phần.

Cách gập hàng ghế thứ hai:

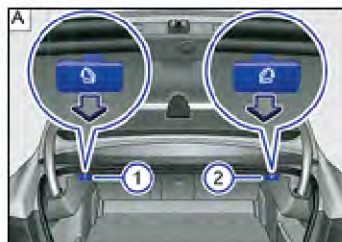
- Chính tựa đầu xuống vị trí thấp nhất để tránh tựa đầu va quệt phải trần xe khi gập ghế.
- Bấm lẫy số ① để mở khóa gài, khi đó cần số ② sẽ bung lên như hình.
- Kéo và gập ghế xuống



V. VẬN HÀNH XE

Gập hàng ghế thứ hai bằng công tắc ở khoang hành lý:

- Chính tựa đầu xuống vị trí thấp nhất để tránh tựa đầu va quệt phải trần xe khi gập ghế.
- Kéo công tắc số ① hoặc ② ứng với phần ghế muốn gập.
- Lấy khóa sẽ tự bung ra và ghế sẽ gập lại.



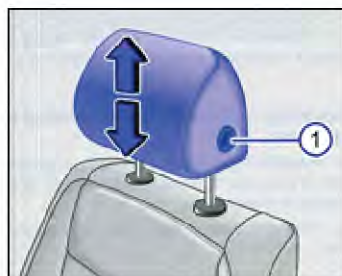
8. Chỉnh và tháo tựa đầu

8.1. Tựa đầu hàng ghế phía trước:

Nhấn vào nút số ① để điều chỉnh vị trí của tựa đầu phù hợp với người ngồi.

Tháo tựa đầu hàng ghế phía trước:

- Chỉnh tựa lưng đến vị trí xa nhất để dễ dàng tháo tựa đầu.
- Nhấn nút số ① và kéo tựa đầu ra ngoài
- Lắp tựa đầu hàng ghế phía trước theo thứ tự ngược lại



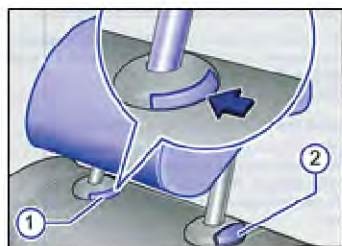
8.2. Tựa đầu hàng ghế phía sau:

Nhấn nút số ② để điều chỉnh tựa đầu phù hợp với vị trí người ngồi.

Tháo tựa đầu hàng ghế phía sau:

- Gập một phần hàng ghế phía sau để dễ tháo tựa đầu
- Nhấn đồng thời nút số ① và số ②
- Kéo tựa đầu ra

Lắp tựa đầu hàng ghế phía sau theo thứ tự ngược lại



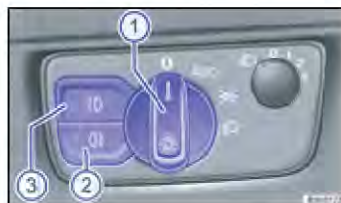
V. VẬN HÀNH XE

9. Công tắc đèn

9.1. Đèn chiếu sáng

Cụm công tắc đèn chiếu sáng dạng nút xoay được, bao gồm các chức năng:

- ① Công tắc điều khiển hệ thống đèn chiếu sáng và định vị.
- ② Công tắc bật/tắt đèn sương mù phía trước.
- ③ Công tắc bật/tắt đèn sương mù phía sau.



9.2. Đèn cảnh báo/ Ưu tiên

Nút kích hoạt đèn cảnh báo/ưu tiên được đặt ngay phía trên màn hình của hệ thống thông tin giải trí.

Nhấn vào nút để kích hoạt đèn cảnh báo. Lúc này tất cả các đèn báo rẽ xung quanh xe và đèn trên nút sẽ chớp liên tục.

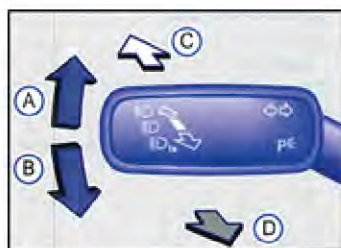
Nhấn lại vào nút một lần nữa để hủy chức năng.



9.3. Đèn báo rẽ và đèn chiếu xa

Công tắc đèn báo rẽ và đèn chiếu xa được đặt trên cụm công tắc phía dưới vô lăng.

- (A) Đèn báo rẽ trái
- (B) Đèn báo rẽ phải
- (C) Vị trí bật đèn chiếu xa
- (D) Chớp đèn chiếu xa (Trong trường hợp xin vượt)



9.4. Đèn đỗ xe

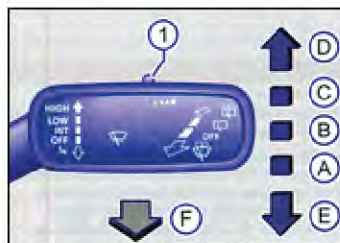
Để kích hoạt đèn báo đỗ xe, tiến hành các thao tác sau:

- Tắt chìa khóa
- Gạt công tắc báo rẽ sang vị trí muốn bật đèn báo đỗ xe

V. VẬN HÀNH XE

10. Công tắc gạt mưa

- (A) Tắt gạt mưa
 - (B) Chế độ gạt mưa tự động phụ thuộc vào tốc độ xe (tốc độ xe càng nhanh thì gạt mưa càng nhanh).
 - (C) Chế độ gạt mưa chậm.
 - (D) Chế độ gạt mưa nhanh.
 - (E) Chế độ gạt mưa một lần.
 - (F) Kích hoạt chế độ phun nước rửa kính chắn gió trước.
- ① Dùng để điều chỉnh mức độ liên tục của chế độ gạt mưa tự động, hoặc để điều chỉnh độ nhạy của cảm biến gạt mưa.
- (G) Kích hoạt gạt mưa kính chắn gió sau. Gạt mưa sau sẽ kích hoạt mỗi 6 giây.
 - (H) Kích hoạt chế độ phun nước rửa kính chắn gió sau.



11. Phím chức năng trên Vô lăng

11.1. Phím chức năng bên trái

- ① Tăng tốc độ giới hạn (+ 1 km/h). Và khởi động lại chức năng Cruise Control với tốc độ đã lưu giữ trước đó.
- ② Tạm thời ngắt chức năng Cruise Control (nhưng vẫn lưu giữ tốc độ đã ghi nhớ trước đó).
- ③ Nút bật/ tắt chức năng kiểm soát hành trình Cruise Control.
- ④ Tăng/ Giảm tốc độ giới hạn (±10 km/h).
- ⑤ Bật chức năng kiểm soát hành trình Cruise Control.
- ⑥ Tăng giảm âm lượng.
- ⑦ Nút lưu giữ tốc độ hiện tại của xe và hệ thống sẽ điều chỉnh xe chạy bằng với tốc độ này. Và giảm tốc độ giới hạn (- 1 km/h).



V. VẬN HÀNH XE

11.2. Phím chức năng bên phải

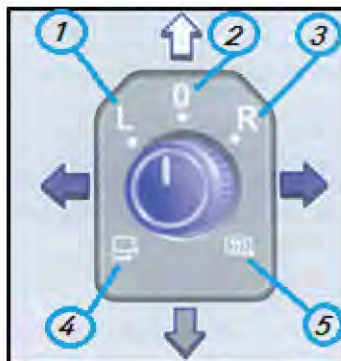
- ① Nút nhận cuộc gọi. Sử dụng khi điện thoại đã được kết nối với xe
- ② Nút xác nhận lựa chọn. Sử dụng để điều khiển màn hình trên taplo
- ③ Nút chuyển menu trái – phải trên màn hình taplo
- ④ Nút chuyển menu lên – xuống trên màn hình taplo
- ⑤ Nút chuyển kênh radio hoặc bài nhạc đang phát
- ⑥ Kích hoạt chức năng điều khiển bằng giọng nói (Nếu được trang bị)



12. Công tắc điều chỉnh gương chiếu hậu

Cách kích hoạt:

- Bật chìa khóa.
 - Vận nùm xoay ở cửa tài vào vị trí mong muốn.
- ① Điều chỉnh gương chiếu hậu ngoài bên trái.
 - ② Ở vị trí này, hai gương chiếu hậu ngoài không thể điều chỉnh được và tất cả chức năng đều bị tắt.
 - ③ Điều chỉnh gương chiếu hậu ngoài bên phải.
 - ④ Gập gương (đối với gương chiếu hậu ngoài có motor).
 - ⑤ Kích hoạt chế độ sưởi gương. (Chế độ sưởi gương chỉ hoạt động trong điều kiện nhiệt độ dưới 200C (680F).
- Đẩy nùm xoay về phía trước, phía sau, trái hoặc phải để điều chỉnh vị trí của gương chiếu hậu ngoài.



V. VẬN HÀNH XE

13. Công tắc nâng hạ kính

Cụm công tắc nâng hạ kính phía người lái:

- ① Công tắc nâng hạ kính phía trước
- ② Công tắc nâng hạ kính phía sau
- ③ Công tắc an toàn. Khóa chức năng nâng hạ kính ở cụm công tắc hành khách phía sau. Khi kích hoạt đèn trên công tắc sẽ sáng màu vàng.



Cách sử dụng:

- Chìa khóa ở vị trí ON
- Kéo công tắc ① hoặc ② lên phía trên để nâng kính
- Nhấn công tắc ① hoặc ② xuống phía dưới để hạ kính

Chức năng nâng hạ kính tự động (1 chạm):

Trên mỗi công tắc nâng hạ kính sẽ có 4 nấc để điều khiển bao gồm: 2 nấc điều khiển chức năng lên kính và 2 nấc điều khiển chức năng xuống kính.

Ứng với mỗi nấc:

- Ở nấc thứ nhất, khi nhấn hoặc kéo ở nấc này, người sử dụng bắt buộc phải giữ cho đến khi kính được mở hoặc đóng hoàn toàn.
- Ở nấc thứ 2, sau khi người sử dụng kéo hoặc nhấn, kính cửa sẽ tự động đóng hoặc mở hoàn toàn.

Chức năng nâng hạ kính bằng Remote:

- Nhấn và giữ nút lock hoặc unlock trên chìa khóa cho đến khi tất cả các kính cửa được đóng hoặc mở hoàn toàn.
- Hoặc đối với xe có trang bị hệ thống cảm biến thông minh trên tay nắm cửa (Keyless Entry), giữ ngón tay trên vùng cảm biến cho đến khi tất cả các kính cửa được đóng hoặc mở hoàn toàn.

V. VẬN HÀNH XE

14. Công tắc khởi động động cơ

Nút khởi động thay thế cho việc khởi động động cơ bằng chìa khóa cơ.

Lưu ý:

- Chỉ có thể khởi động động cơ khi:
 - Có chìa khóa xe ở bên trong xe.
 - Cần số phải ở vị trí P hoặc N
- Nếu chìa khóa hết pin hoặc pin yếu, hệ thống khởi động bằng nút nhấn này sẽ không thể thực hiện được. Trường hợp pin yếu, bạn có thể khởi động động cơ như mô tả trong mục trường hợp khẩn cấp

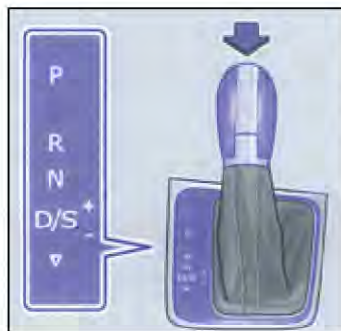


15. Cần sang số

Khi bật chìa khóa, vị trí số đang được chọn sẽ được hiển thị trên màn hình của Taplo

P- Parking (Phanh hợp số)

Được sử dụng khi đậu xe. Các bánh xe được khóa cứng. Để chuyển sang số khác từ số P, bạn phải bật chìa khóa ON, tiến hành đạp bàn đạp phanh, nhấn vào nút khóa trên cần số và kéo cần số đến vị trí số mà bạn muốn



R- Reverse (Số lùi)

Chỉ lùi xe khi xe đứng yên sau đó cài số R

N- Neutral (Số N)

Khi xe được cài số N, lực kéo từ động cơ sẽ không được truyền tới các bánh xe.

D/S- Vị trí chọn số tiến

Vị trí D (Drive - Chế độ bình thường)

Tất cả vị trí số tiến được tăng giảm hoàn toàn tự động phụ thuộc vào tải động cơ, cách lái xe và tốc độ của xe.

Vị trí S (Sport - Chế độ thể thao)

Vị trí của các số tiến có thể thay đổi sớm hơn hoặc muộn hơn phụ thuộc vào người lái.

V. VẬN HÀNH XE

16. Khóa cần sang số

Nút khóa cần số nằm trên đầu và phía trước cần số. Cần số sẽ bị khóa khi đang ở số **P** hoặc **N** để tránh trường hợp Cần số bị vô ý dịch chuyển có thể làm xe di chuyển. Muốn sang số khác từ **P** và **N**, bạn phải bấm giữ nút khóa này trong khi chuyển số.



Lưu ý

Việc chọn số sai có thể làm bạn mất kiểm soát chiếc xe của mình có thể dẫn đến tai nạn và chấn thương.

Không được phép sử dụng bàn đạp ga trong lúc đang chuyển số

Khi động cơ đang nổ, xe có thể dịch chuyển ngay khi số tiến được cài và nhả bàn đạp phanh mà không cần tác dụng vào bàn đạp ga.

Không được phép cài số **R** và **P** khi xe đang di chuyển

Chỉ được phép rời khỏi xe khi đã bật hệ thống phanh tay điện tử và cài số **P**

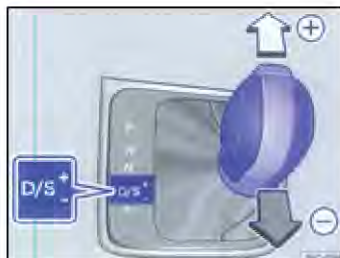
Nếu động cơ đang nổ và đang ở số **D/S** hoặc **R** thì phải giữ bàn đạp phanh. Xe sẽ di chuyển ngay khi buông bàn đạp phanh.

Không được rời khỏi xe khi đang cài số **N** vì xe có thể bị trôi mặc dù động cơ có đang nổ hay không

17. Chế độ thể thao và lấy số trên Vô lăng (Tiptronic)

Cách chuyển số bằng cần số:

- Khi cần số đang ở vị trí **D/S**, đẩy cần số qua phải
- Giữ cần số và đẩy lên $\oplus$ nếu muốn tăng số và kéo xuống $\ominus$ nếu muốn giảm số.
- Trong quá trình sử dụng chế độ thể thao không cần nhấn nút khóa cần số.



Cách chuyển số bằng lấy số trên vô lăng:

- Để tăng số, tiến hành kéo lấy bên phải trên vô lăng (Có ký hiệu dấu $\oplus$)
- Để giảm số, tiến hành kéo lấy bên trái trên vô lăng (Có ký hiệu dấu $\ominus$)
- Để hủy bỏ chế độ chuyển số bằng lấy, kéo lấy bên phải và giữ trong khoảng 1 giây.



V. VẬN HÀNH XE

18. Phanh đỗ xe điện tử

Kích hoạt hệ thống:

- Dừng hẳn xe, kéo và giữ công tắc  để kích hoạt hệ thống phanh đỗ xe điện tử.
- Đèn báo trên công tắc sáng lên nghĩa là hệ thống đã được kích hoạt.
- Thả công tắc.

Nhả phanh đỗ xe điện tử:

- Bật ON chìa khóa.
- Đạp phanh và nhấn vào công tắc . Hoặc đạp nhẹ bàn đạp ga khi động cơ đang nổ.
- Đèn báo trên công tắc sẽ tắt đi.



Hệ thống đỗ xe điện tử tự động tắt khi bắt đầu lái xe:

Hệ thống tự động tắt nếu đáp ứng một trong các điều kiện sau (và cửa tài phải được đóng):

- Đối với xe hộp số tự động: vào số hoặc chuyển số.
- Đối với xe hộp số sàn: Đạp bàn đạp ly hợp khi vào số.
- Bạn có thể ngăn không cho hệ thống tự động tắt bằng cách kéo và giữ công tắc .
- Hệ thống sẽ tự động ngắt khi bạn buông công tắc .

Hệ thống đỗ xe điện tử tự động bật nếu không được bật đúng cách trong trường hợp người lái rời khỏi xe:

Với xe hộp số tự động, hệ thống sẽ tự động bật trong một số trường hợp người lái rời khỏi xe “không đúng cách”:

- Khi người lái rời xe nhưng cần số vẫn ở vị trí D/S hoặc R hoặc khi cần số ở chế độ Tiptronic.
- VẢ: xe đang đỗ.
- VẢ: nếu cửa tài mở.

Chức năng phanh khẩn cấp của hệ thống đỗ xe điện tử:

Chức năng này chỉ được dùng trong trường hợp bàn đạp phanh không có tác dụng.

- Kéo và giữ nút  để phanh xe. Âm báo cũng đồng thời xuất hiện.
- Để ngắt quá trình phanh khẩn cấp bằng nút đỗ xe điện tử thì chỉ cần thả nút  hoặc đạp bàn đạp ga.

V. VẬN HÀNH XE



Lưu ý

Không sử dụng phanh đỗ xe điện tử để phanh xe của bạn ngoại trừ trong những trường hợp khẩn cấp. Bởi vì phanh đỗ xe điện tử chỉ tác động vào 2 bánh sau làm cho quãng đường phanh sẽ dài hơn và lực phanh không hiệu quả có thể gây ra tai nạn.

Đạp ga trong lúc đỗ xe khi xe đang nổ máy và đã cài số thì xe vẫn có thể di chuyển mặc dù chức năng phanh đỗ xe điện tử vẫn đang được kích hoạt

Để tránh xe tự ý di chuyển khi đang đỗ, đầu tiên bật công tắc đỗ xe điện tử, sau đó di chuyển chân bạn ra khỏi bàn đạp phanh.

Ở xe trang bị hộp số sàn: Khi bạn để chân ra khỏi bàn đạp ly hợp và đồng thời đạp bàn đạp ga, hệ thống đỗ xe điện tử sẽ tự động tắt.

Nếu ắc quy của xe bị hư, việc tắt hệ thống đỗ xe điện tử là không thể. Trong trường hợp đó, thực hiện việc câu bình hoặc cắm máy sạc, máy kích.

Khi kích hoạt hoặc khi tắt hệ thống đỗ xe điện tử, sẽ có tiếng ồn phát ra

19. Công tắc phanh Auto-Hold

Auto Hold là chức năng hỗ trợ người lái trong khi người lái dừng xe dọc đường hoặc dừng tại vị trí đèn giao thông. Chức năng này tự động kích hoạt hệ thống phanh giúp xe không bị trôi mà người lái không cần duy trì bàn đạp phanh.

Đèn báo trên công tắc điều khiển sáng lên nghĩa là hệ thống Auto hold đã được kích hoạt. (như hình bên).

Chức năng Auto Hold sẽ giữ chiếc xe của bạn ngay khi hệ thống phát hiện xe không di chuyển và bàn đạp ga không được tác động. Ký hiệu  màu xanh sẽ sáng trên đồng hồ tập lò cho biết hệ thống đang hoạt động.

Khi bạn đạp ga, chức năng Auto Hold sẽ tự động tắt, đồng thời ký hiệu  màu xanh sẽ biến mất trên đồng hồ tập lò.

Điều kiện bật/tắt chức năng Auto Hold và điều kiện để giữ chiếc xe đứng yên khi chức năng Auto Hold hoạt động.

- Cửa tài đóng.
- Động cơ đang hoạt động.

Chức năng Auto Hold **không** tự động bật nếu cần số ở vị trí **N** (đối với hộp số tự động). Kết quả là chiếc xe sẽ có thể bị trôi đi.



V. VẬN HÀNH XE

Bật chức năng Auto Hold.

- Bấm nút **AUTO HOLD**
- Nếu bất kì điều kiện nào để hệ thống Auto Hold hoạt động thay đổi trong lúc chiếc xe đang đỗ, thì hệ thống sẽ tự động tắt và ký hiệu  màu xanh sẽ mất trên đồng hồ tập lô, cùng với đèn báo trên nút **AUTO HOLD**

Tắt chức năng Auto Hold.

- Bấm nút **AUTO HOLD** lần nữa.
- Đèn báo trên nút Auto Hold sẽ mất. Hệ thống đỗ xe điện tử sẽ tự động bật để giữ chiếc xe không bị trôi. Tuy nhiên, nếu bạn đạp phanh được tác động trước khi tắt Auto Hold, thì hệ thống đỗ xe điện tử sẽ không được bật.

Bật/Tắt tự động chức năng Auto Hold.

- Nếu chức năng Auto Hold đã được bật bằng nút **AUTO HOLD** trước khi tắt chìa khóa, thì chức năng Auto Hold sẽ được bật tự động khi bật lại chìa khóa. Tương tự như vậy trong trường hợp khi tắt Auto Hold, hệ thống sẽ vẫn tắt trong lần khởi động xe tiếp theo.

Tạm thời ngắt chức năng Auto Hold với nút .

Trong một vài trường hợp, chức năng Auto Hold nên được tắt tạm thời để chiếc xe có thể di chuyển, ví dụ khi di chuyển tại chỗ.

- Đạp bàn đạp phanh khi động cơ đang hoạt động.
- Bấm nút . Chức năng Auto Hold sẽ được tạm thời tắt.

Chức năng Auto Hold sẽ hoạt động lại một khi bạn đạp bàn đạp phanh trong lúc chiếc xe đang đứng yên.



Lưu ý

Chức năng Auto Hold không thể chống lại các định luật vật lý tự nhiên, hệ thống chỉ hoạt động ở một giới hạn cho phép. Việc lạm dụng chức năng này có thể gây ra những nguy cơ xảy ra tai nạn không đáng có.

Luôn đảm bảo đèn báo  hiển thị màu xanh hoặc đỏ trên taplo khi xe bạn đang được giữ đứng yên. Đèn hiển thị màu xanh nghĩa là xe bạn đang được giữ bởi chức năng Auto Hold, đèn báo màu đỏ nghĩa là xe đang sử dụng phanh đỗ xe điện tử.

Không được rời khỏi xe khi xe đang nổ máy và chức năng Auto hold được kích hoạt. Trong một số trường hợp chức năng Auto Hold không thể giữ xe của bạn đứng yên hoàn toàn như là: dừng xe ở vị trí có độ dốc quá lớn, dừng xe trên bề mặt có độ bám không cao.

V. VẬN HÀNH XE

20. Công tắt hệ thống tự động bật tắt động cơ Auto Start/Stop

Chức năng Auto Start/Stop cho phép tự động tắt động cơ khi dừng xe trước đèn giao thông và tự khởi động lại động cơ chỉ bằng thao tác đạp ga hoặc nhả chân phanh.

Hệ thống luôn luôn ở trạng thái chờ hoạt động mỗi khi công tắc ở vị trí ON và thông tin bằng đèn báo trên màn hình táp lô và màn hình của hệ thống thông tin và giải trí.

Bạn có thể xem thêm thông tin về hệ thống bằng cách nhấn nút **CAR** và chọn mục Vehicle status trong mục Selection của hệ thống thông tin và giải trí.



Đối với xe số sàn:

Không gài số và buông bàn đạp ly hợp khi xe tới điểm dừng, hoặc khi xe đang đỗ. Tắt động cơ.

Đạp bàn đạp ly hợp để khởi động lại động cơ.

Đối với xe số tự động:

Khi người lái đạp và giữ phanh, hệ thống sẽ tự động tắt động cơ.

- Động cơ sẽ tự động khởi động lại khi người lái bỏ chân phanh hoặc tiến
- hành đạp chân ga.

Những điều kiện tiên quyết để hệ thống Auto Start/Stop hoạt động.

- Người lái phải cài dây đai an toàn.
- Cửa của người lái phải được đóng kín.
- Nắp khoang động cơ phải được đóng kín.
- Nhiệt độ động cơ phải đạt được ở mức giới hạn tối thiểu.
- Đối với xe sử dụng điều hòa tự động: Nhiệt độ phải đạt mức đã được cài trước đó và độ ẩm không quá cao.
- Tất chức năng sấy kính chắn gió của hệ thống điều hòa.
- Máy phát hoạt động bình thường và ắc-quy đủ 12V.
- Nhiệt độ của ắc-quy không quá cao cũng không quá thấp.
- Xe không được dừng trên đường dốc.
- Vô lăng không được xoay đột ngột.
- Xe không cài số lùi.
- Chức năng hỗ trợ đỗ xe (Park Assist) không được kích hoạt.

V. VẬN HÀNH XE

Điều kiện để xe khởi động lại:

Xe tự động khởi động lại trong các trường hợp sau:

- Nhiệt độ bên trong xe đột ngột tăng hoặc giảm.
- Xe bị trượt.
- Điện áp ắc-quy đột ngột giảm.
- Vô lăng bị dịch chuyển.

Điều kiện yêu cầu người lái khởi động lại động cơ:

Hệ thống không tự khởi động động cơ, bắt buộc người lái phải khởi động động cơ trong những trường hợp sau:

- Cửa của người lái được mở.
- Nắp khoang động cơ được mở.

Tắt/Bật chức năng Auto Start/Stop.

- Nhấn nút  ở khu vực điều khiển trung tâm để tắt hệ thống. Nếu hệ thống được tắt, sẽ có đèn báo trên nút .
- Nhấn lại nút  để khởi động lại hệ thống.

Màn hình tập lô sẽ cho thấy tình trạng của hệ thống Auto Start/Stop mỗi khi bạn nhấn nút .

Nếu hệ thống Auto Start/Stop đã tắt động cơ, nhưng sau đó bạn lại tắt hệ thống bằng cách nhấn nút  thì động cơ sẽ tự động khởi động lại.

Luôn tắt hệ thống Auto Start/Stop khi lái xe qua chỗ ngập nước.



Lưu ý

Hệ thống phanh và hệ thống lái sẽ không hoạt động khi động cơ tắt. Không được tắt động cơ hoặc tắt chìa khóa trong lúc xe đang di chuyển. Hệ thống Auto Start/Stop phải được tắt trước khi thực hiện các công việc trong khu vực khoang động cơ.

Nếu hệ thống Auto Start/Stop được sử dụng trong điều kiện nhiệt độ ngoài trời quá cao trong thời gian dài, ắc quy của xe có thể bị hư hỏng.

V. VẬN HÀNH XE

21. Hệ thống cảm biến khoảng cách Park Distance Control (PDC).

Khu vực xung quanh xe được mô phỏng bằng những vạch tượng trưng cho từng vị trí cảm biến. Khi hệ thống phát hiện đối tượng nằm trong khu vực của cảm biến, phần vạch kẻ ở vị trí đó sẽ hiển thị màu và có âm thanh cảnh báo. Phần vạch kẻ sẽ dịch chuyển vào gần trung tâm nếu như đối tượng càng gần so với xe, đồng thời màu sắc và âm thanh cảnh báo cũng sẽ thay đổi.



	Đối tượng rất gần với xe, âm thanh cảnh báo sẽ kích hoạt liên tục.
	Đối tượng nằm trong vùng nguy hiểm, có âm thanh cảnh báo. Cần chạy chậm và chú ý quan sát
	Đối tượng đang cách xe ở một khoảng cách an toàn.
	Ngắt âm thanh cảnh báo.
	Chuyển chế độ giữa camera lùi và PDC.
	Có lỗi hệ thống ở khu vực thông báo.

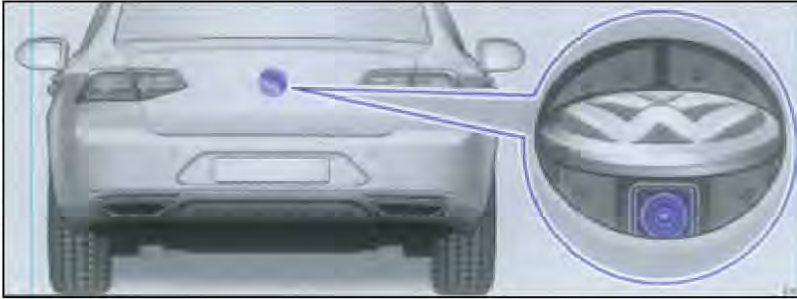


Lưu ý

Đừng để hình ảnh hiển thị trên hệ thống thông tin và giải trí làm bạn mất tập trung khi lái xe.

V. VẬN HÀNH XE

22. Camera lùi và hệ thống hỗ trợ đỗ xe



Hệ thống camera lùi cung cấp hình ảnh 2 chiều. Vì thế đối với độ sâu và độ dài của một số vật thể như: ổ gà, các vật nhô ra ở các xe khác hoặc nhô ra từ mặt đường là khó để nhìn rõ thông qua hệ thống.

Vật thể có thể gần hoặc xa hơn so với hình ảnh thể hiện trên màn hình thông tin và giải trí.

Các điều kiện để hệ thống vận hành.

- Cốp phải được đóng.
- Camera không bị che bởi vật cản (VD: băng tuyết, bụi...).
- Không gian phía sau xe không bị che chắn bởi vật cản.
- Chỗ đỗ xe phải bằng phẳng.
- Không gian phía sau xe không chở quá nặng.
- Người lái phải nắm rõ với hệ thống.
- Xe không bị hư hại. Nếu xe bị hư hại (VD: xe bị va chạm với xe khác ở phần đuôi xe) thì camera phải được chỉnh lại bởi Đại lý ủy quyền hệ thống Volkswagen.



Lưu ý

Đối với đỗ xe vuông góc:

- Khi ra khỏi chỗ đỗ không chạy quá tốc độ 15 km/h (9 mph).
- Chiều ngang của chỗ đỗ: Chiều ngang xe + 0.2 m.

Đối với đỗ xe song song:

- Khi ra khỏi chỗ đỗ không chạy quá tốc độ 15 km/h (9 mph).
- Luôn duy trì khoảng cách xấp xỉ 1 m đối với vật thể phía trước và phía sau xe.
- Chiều dài của chỗ đỗ: Chiều dài xe + 8 m

V. VẬN HÀNH XE

Tùy chỉnh hiển thị hệ thống camera lùi.

Có rất nhiều tùy chỉnh, bao gồm độ sáng, độ tương phản và màu sắc, có thể được điều chỉnh bằng cách nhấn nút  hoặc  , hoặc bằng cách trượt lên, xuống trong menu setting.

- Dừng xe ở khu vực an toàn.
- Bật hệ thống phanh điện tử.
- Bật chìa khóa.
- Bật hệ thống thông tin và giải trí (đầu RADIO).
- Gài số lùi.
- Nhấn nút  .
- Lựa chọn tùy chỉnh mà bạn muốn thay đổi.

Cách vận hành hệ thống camera lùi.



Biểu tượng	Ý nghĩa
	Tùy thuộc vào trang bị theo xe: Tắt hoặc bật âm báo hệ thống hỗ trợ đỗ ParkPilot.
	Trên một số model xe: bật hiển thị hệ thống hỗ trợ đỗ ParkPilot.
	Trên một số model xe: tắt hiển thị hệ thống hỗ trợ đỗ ParkPilot.
	Trên một số model xe: hiển thị hệ thống hỗ trợ đỗ ParkPilot.
	Tắt hiển thị hệ thống.
	Chuyển sang chế độ đỗ xe song song (mode 2).
	Chuyển sang chế độ đỗ xe vuông góc (mode 1).

V. VẬN HÀNH XE

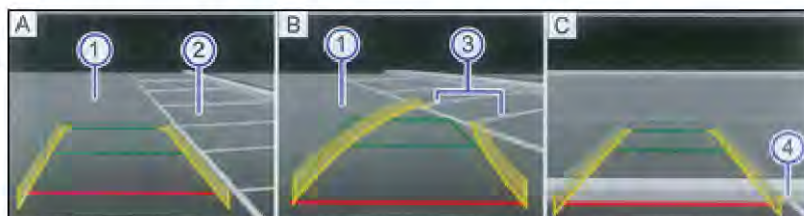
	Chuyển sang chế độ hỗ trợ đỗ xe có gắn trailer (mode 3).
	Chuyển sang chế độ hỗ trợ lùi xe qua đoạn đường giao nhau (mode 4).
	Hiển thị màn hình tùy chỉnh (setting display): độ sáng, độ tương phản, màu sắc.

Bật/ Tắt hệ thống camera lùi.

Chức năng	Những thao tác cần làm khi đang bật chìa khóa
Bật hiển thị hệ thống bằng thao tác.	Nhấn nút  một lần.
Tắt hiển thị hệ thống bằng thao tác.	Nhấn nút  một lần nữa.
Bật hiển thị hệ thống tự động.	Gài số lùi. Camera lùi sẽ tự động bật và chế độ "Mode 1" sẽ hiển thị ở hệ thống thông tin và giải trí.
	Biểu tượng hệ thống ParkPilot xuất hiện ở góc nhỏ bên trái màn hình hệ thống thông tin và giải trí
Tắt hiển thị hệ thống tự động	Tắt chìa khóa
	HOẶC: lái xe về phía trước với tốc độ hơn 15 km/h (9mph).
Ẩn hiển thị hình ảnh hệ thống camera lùi	Nhấn nút bất kì trên đầu RADIO của hệ thống thông tin và giải trí.
	HOẶC: chạm biểu tượng  trên màn hình hệ thống thông tin và giải trí.
	HOẶC: nhấn nút  . Hệ thống hỗ trợ đỗ ParkPilot sẽ hiển thị trên màn hình hệ thống thông tin và giải trí

V. VẬN HÀNH XE

Hỗ trợ đỗ xe vuông góc (mode 1)



Biểu tượng	Ý nghĩa
	Tìm chỗ đỗ xe phù hợp.
	Lái vào chỗ đỗ xe.
	Lùi xe khi đã vào chỗ đỗ.
	Đường màu đỏ: hiển thị khoảng cách an toàn. Đường màu đỏ tượng trưng khoảng cách xấp xỉ 0.4m tính từ xe. Đường hiển thị này không thay đổi dù cho xe bạn có đang đánh lái.
	Đường màu xanh: hiển thị khoảng cách xấp xỉ 2 m tính từ xe tới đường màu xanh cuối cùng. Đường hiển thị này không thay đổi dù cho xe bạn có đang đánh lái.
	Đường màu vàng: đánh dấu đường giới hạn 2 bên hông và tượng trưng cho 2 bên hông xe, thay đổi tùy theo góc đánh lái. Từ xe tới kết thúc đường màu vàng là khoảng cách xấp xỉ 2 m.
	Mặt đường.
	Chỗ đỗ đã được lựa chọn.
	Hiển thị không gian giới hạn hai bên của chỗ đỗ.
	Giới hạn không gian phía sau của chỗ đỗ (VD: bụi cỏ).

V. VẬN HÀNH XE

Các thao tác:

	Thực hiện các bước sau:
1.	Những Yêu cầu cho việc đỗ xe sử dụng hệ thống camera lùi phải được đáp ứng (Mục Điều kiện để hệ thống vận hành).
2.	Nhấn nút  trước khi lái xe qua chỗ đỗ.
3.	Lái xe từ từ qua chỗ đỗ.
4.	Điều chỉnh vị trí chiếc xe sao cho ở phía trước chỗ đỗ như ② => Hình A
5.	Gài số lùi.
6.	Lùi từ từ và đánh lái sao cho đường màu vàng khớp với không gian giới hạn hai bên của chỗ đỗ ③ => Hình B
	Quan sát đồng chữ: Check roadway.
7.	Điều chỉnh vị trí chiếc xe trong chỗ đỗ sao cho đường màu xanh và màu vàng khớp với không gian giới hạn hai bên của chỗ đỗ ③
8.	Lùi xe sao cho đường màu đỏ khớp với giới hạn không gian phía sau của chỗ đỗ (VD: bụi cỏ).

V. VẬN HÀNH XE

Hỗ trợ đỗ xe song song (mode 2).



Biểu tượng	Ý nghĩa
	Đánh giá chỗ đỗ xe.
	Lái vào chỗ đỗ xe.
	Lùi xe khi đã vào chỗ đỗ.
	Đường ngang màu đỏ: hiển thị khoảng cách an toàn. Đường ngang màu đỏ tượng trưng khoảng cách xấp xỉ 0.4m tính từ xe. Đường dọc màu đỏ: Nếu một đường dọc màu vàng chuyển sang màu đỏ, bạn phải điều chỉnh vô lăng cho tới khi đường màu vàng trùng với đường cong màu đỏ. Biểu tượng vô lăng cũng đồng thời xuất hiện ở phía dưới màn hình hệ thống thông tin và giải trí.
	Đường màu vàng: đánh dấu đường giới hạn 2 bên hông và tượng trưng cho 2 bên hông xe, thay đổi tùy theo góc đánh lái. Từ xe tới kết thúc đường màu vàng là khoảng cách xấp xỉ 2 m..
	Biểu tượng hình khối màu vàng: hiển thị giới hạn không gian của các vật thể gần khu vực chỗ đỗ xe của bạn (VD: xe khác). Khu vực giữa các hình khối màu vàng là không gian trống để bạn có thể đỗ xe hoặc di chuyển tới lui ra/vào chỗ đỗ.

V. VẬN HÀNH XE

	Đường dọc màu xanh: hiển thị điểm bạn nên đánh lái khi vào chỗ đỗ. Điểm đánh lái sẽ xuất hiện khi đường dọc màu xanh chạm vào bụi cỏ hoặc bất cứ đường phân định giữa các chỗ đỗ xe.
	Đường ngang màu xanh: hiển thị khoảng cách xấp xỉ 2 m tính từ xe tới đường màu xanh cuối cùng.
	Những đường định hướng này sẽ dần dần biến mất khi chiếc xe tiến tới rìa giới hạn sau của chỗ đỗ.
①	Mặt đường.
②	Giới hạn không gian phía sau (VD: xe khác đang đỗ).
③	Giới hạn 2 bên hông của khu vực đỗ xe (VD: bụi cỏ).

Các thao tác:

	Thực hiện các bước sau:
1.	Những Yêu cầu cho việc đỗ xe sử dụng hệ thống camera lùi phải được đáp ứng (Mục Điều kiện để hệ thống vận hành).
2.	Nhấn nút  trước khi lái xe qua chỗ đỗ.
3.	Nhấn nút  để chọn Mode 2 trên màn hình hệ thống thông tin và giải trí.
	Khi chuyển sang Mode 2, hình khối màu vàng sẽ xuất hiện ở cả hai bên đường (đối với những vật thể ở vị trí song song với đường)
4.	Bật đèn xi nhan ở bên đường mà bạn muốn đỗ xe. Một khi đèn xi nhan được bật, thì hình khối màu vàng ở phần đường mà đèn xi nhan không bật sẽ biến mất.
5.	Lái từ từ qua chỗ đỗ xe.

V. VẬN HÀNH XE

6.	Điều chỉnh vị trí chiếc xe ở khoảng cách song song 1 m cách chỗ đỗ, bảo đảm rằng hình khối màu vàng đã hiển thị bao bọc tất cả vật cản (như hình A). Khu vực ở giữa các hình khối màu vàng phải là khu vực trống.
7.	Đạp phanh dừng xe.
8.	Gài số lùi.
	Xe của bạn được hiển thị bằng hình thang màu đỏ trên màn hình.
	Nếu có vật thể nhô ra khỏi hình khối màu vàng, chỗ đỗ xe có thể quá nhỏ, hoặc xe bạn có thể không ở đúng vị trí, thì bạn nên tìm một chỗ đỗ xe khác hoặc điều chỉnh lại vị trí chiếc xe của bạn.
9.	Đánh vô lăng cho đến khi hình thang màu đỏ được nằm ở giữa những hình khối màu vàng và chuyển sang màu xanh. Giữ vô lăng ở vị trí đó.
	Biểu tượng vô lăng xuất hiện ở phía dưới bên tay phải của màn hình cho biết bạn cần phải tác động lên vô lăng trong suốt quá trình đỗ.
10.	Giữ vô lăng ở vị trí hiện tại, lùi từ từ cho đến khi có biểu tượng dừng xuất hiện.
	HOẶC: cho đến khi đường ngang màu xanh trùng với giới hạn bên của chỗ đỗ (VD: bụi cỏ).
	Mũi tên => Hình hiển thị khoảng cách còn lại phía sau xe, thông qua những "phần" của mũi tên.
11.	Quan sát dòng chữ: Check roadway.
12.	Dừng xe lại và đánh lái hết cỡ về phía đối diện cho đến khi mũi tên dẫn hướng không còn xuất hiện phía trên biểu tượng vô lăng.
13.	Lùi từ từ. Đường ngang màu xanh sẽ xuất hiện trên màn hình.
14.	Tiếp tục lùi từ từ cho đến khi xuất hiện biểu tượng dừng lại (Hình C).

V. VẬN HÀNH XE

15.	HOẶC: Lùi xe sao cho đường màu đỏ khớp với giới hạn không gian phía sau của chỗ đỗ (VD: xe đang đỗ).
	Chiếc xe giờ đã được đỗ ngay ngắn trong chỗ đỗ song song với mặt đường.

Chế độ hỗ trợ móc kéo, lùi xe qua đường giao nhau (Mode 3, 4)

Khu vực phía trước hoặc phía sau xe, và khu vực hai bên hông xe, được hiển thị theo biểu đồ "Fish-eye". Chế độ này giúp người lái quan sát tình trạng giao thông phía sau xe và có thể được dùng trong những tình huống như: lùi xe ra khỏi ga-ra hoặc lùi xe ra khỏi không gian hẹp.



23. Chức năng kiểm soát hành trình Cruise Control (CCS).

Hệ thống kiểm soát hành trình (CCS) giúp duy trì tốc độ được cài đặt bởi người lái (Tốc độ được cài đặt ≥ 20 km/h (15 mph)). Hệ thống CCS chỉ giúp duy trì tốc độ, chứ không giúp hỗ trợ phanh.

Hình A: Hệ thống CCS đang tắt tạm thời. Tốc độ cài đặt được hiển thị thông qua con số nhỏ trên táp lô.

Hình B: Hệ thống bị lỗi. Bạn vui lòng đến Đại lý chính hãng của Volkswagen để kiểm tra.

Hình C: Hệ thống CCS đang được bật. Chưa cài đặt tốc độ.

Hình D: Hệ thống CCS đang hoạt động. Tốc độ cài đặt được hiển thị bằng chữ số lớn trên màn hình táp lô.



V. VẬN HÀNH XE



Lưu ý

Cần lưu ý đến tình trạng giao thông khi sử dụng hệ thống CCS. Không được sử dụng hệ thống CCS trong khi đang kẹt xe, khi đang ở khoảng cách hẹp đối với xe phía trước, đường nhiều khúc ngoặt, mặt đường trơn trượt...

Không được sử dụng hệ thống CCS khi đang chạy off-road hoặc trên mặt đường không bằng phẳng.

Cài đặt tốc độ khi sử dụng hệ thống CCS để đảm bảo khoảng cách an toàn đối với xe phía trước.

Luôn luôn tắt hệ thống CCS sau khi sử dụng để tránh tình trạng hệ thống tự động hoạt động không mong muốn.

Không cài đặt tốc độ vượt mức cho phép trong từng đoạn đường cụ thể.

Hệ thống CCS không thể duy trì tốc độ nếu xe đang đi xuống dốc. Bạn nên lưu ý tắt hệ thống, cài số thấp hơn, hoặc đạp phanh để tránh xảy ra tai nạn.

Đèn báo trên taplo

Đèn báo	Ý nghĩa
	Hệ thống CCS hoặc hệ thống giới hạn tốc độ đang hoạt động

Một vài đèn báo sẽ hiện lên đồng hồ táp lô khi bạn bật chìa khóa và tắt ngay sau đó.



Lưu ý

Bỏ qua tín hiệu cảnh báo hoặc dòng chữ cảnh báo của hệ thống sẽ có thể gây ra tai nạn và những chấn thương nghiêm trọng.

Luôn luôn để ý đến tín hiệu cảnh báo hoặc dòng chữ cảnh báo của hệ thống.

V. VẬN HÀNH XE

Kích hoạt hệ thống kiểm soát hành trình (CCS).

Chức năng	Vị trí công tắc trên vô lăng (hình trên)	Hoạt động của hệ thống
Bật hệ thống CCS	Nhấn nút  trên vô lăng	Hệ thống được bật. Chưa có tốc độ cài đặt.
Chuyển đổi giữa hệ thống CCS và hệ thống giới hạn tốc độ	Nhấn nút  trên vô lăng	Luân chuyển kích hoạt giữa hệ thống CCS và hệ thống giới hạn tốc độ.
Kích hoạt hệ thống CCS	Nhấn nút  trên vô lăng	Tốc độ hiện tại được lưu vào hệ thống và hệ thống sẽ tự động duy trì xe ở tốc độ hiện tại.
Tắt hệ thống CCS tạm thời	Nhấn nút  trên vô lăng HOẶC: Nhấn nhanh nút  trên vô lăng HOẶC: đạp phanh.	Hệ thống sẽ bị tắt tạm thời. Tốc độ đã cài đặt vẫn được lưu trong hệ thống.
Bật lại hệ thống CCS	Nhấn nút  trên vô lăng	Hệ thống sẽ được kích hoạt lại và tốc độ xe sẽ được duy trì bởi hệ thống.
Tăng tốc độ giới hạn của hệ thống CCS	Nhấn nhanh nút  trên vô lăng để tăng tốc độ giới hạn thêm 1 km/h (1 mph)	Hệ thống sẽ tự động tăng tốc độ của xe cho đến khi đạt đến tốc độ bạn vừa cài đặt.
	Nhấn nút  trên vô lăng để tăng tốc độ giới hạn thêm 10 km/h (5 mph)	
	Nhấn và giữ  trên vô lăng để liên tục tăng tốc độ giới hạn cho đến khi buông ra.	

V. VẬN HÀNH XE

Giảm tốc độ giới hạn của hệ thống CCS	Nhấn nút  trên vô lăng để giảm tốc độ giới hạn thêm 1 km/h (1 mph)	Hệ thống sẽ tự động giảm tốc độ của xe cho đến khi đạt đến tốc độ bạn vừa cài đặt mà không tác động đến hệ thống phanh.
	Nhấn nút  trên vô lăng để giảm tốc độ giới hạn thêm 10 km/h (5 mph)	
	Nhấn và giữ nút  trên vô lăng để liên tục giảm tốc độ giới hạn cho đến khi buông ra.	
Tắt hệ thống CCS	Nhấn nút  trên vô lăng hai lần HOẶC: Nhấn và giữ nút  trên vô lăng.	Hệ thống sẽ tắt và xóa dữ liệu tốc độ giới hạn mà bạn đã cài đặt.

Xuống dốc khi đang kích hoạt hệ thống CCS.

Nếu bạn để ý thấy hệ thống CCS không thể duy trì tốc độ của xe nữa, bạn nên can thiệp bằng cách đạp phanh, kết hợp chuyển về số thấp hơn.

Hệ thống CCS tự động tắt.

Hệ thống CCS sẽ tự động tắt tạm thời hoặc ngắt kích hoạt nếu:

- Nếu hệ thống phát hiện hư hỏng có thể ảnh hưởng đến chức năng của hệ thống.
- Nếu người lái đạp ga khiến cho tốc độ của xe lớn hơn so với tốc độ đã cài đặt trong một khoảng thời gian.
- Nếu có hệ thống khác can thiệp VD: ESC và TCS.
- Nếu người lái đạp phanh.
- Nếu túi khí được kích hoạt.
- Nếu cần số chuyển về vị trí D/S đối với xe số tự động.

V. VẬN HÀNH XE

24. Chức năng cảnh báo buồn ngủ

Hệ thống cảnh báo người lái dùng những hành vi của người lái từ khi bắt đầu hành trình làm dữ liệu để so sánh khi thấy có dấu hiệu mệt mỏi của người lái. Nếu hệ thống phát hiện người lái có dấu hiệu mệt mỏi, một âm báo sẽ được phát ra và có dòng chữ sẽ xuất hiện trên táp lô. Dòng chữ này sẽ xuất hiện trên táp lô khoảng 5s và có thể xuất hiện lại. Có thể tắt dòng chữ này của hệ thống bằng cách nhấn nút  ở vô lăng.



Giới hạn của hệ thống:

- Hệ thống chỉ đánh giá hoạt động của người lái khi tốc độ xe đạt 65 km/h (40 mph) trở lên tới xấp xỉ 200 km/h (125 mph).
- Đường nhiều quanh co.
- Đường xấu.
- Thời tiết xấu.
- Với chế độ lái sport.
- Khi xe đang kéo trailer dài/nặng.

Hệ thống sẽ khởi động lại khi:

- Tắt chìa khóa.
- Người lái tháo dây an toàn và cửa tài được mở.
- Xe đỗ lâu hơn 15 phút.
- Trong trường hợp xe chạy tốc độ < 65km/h (40 mph) trong thời gian dài. Nếu xe tăng tốc, hệ thống sẽ khởi động lại.

Bật và tắt hệ thống.

Hệ thống cảnh báo người lái có thể được khởi động/tắt bằng cách cài đặt trên màn hình của hệ thống thông tin giải trí:

- Nhấn nút .
- Chọn vào Vehicle setup thông qua biểu tượng .
- Vào mục **Driver Assistance**
- Bật hoặc tắt chức năng Driver Alert System

V. VẬN HÀNH XE

25. Hệ thống điều hòa không khí



① 	Dùng để điều chỉnh nhiệt độ vị trí bên người lái hoặc bên phụ.
② 	Dùng để điều chỉnh tốc độ của quạt và tốc độ quạt được biểu thị bằng nấc đèn vàng trên công tắc.
③	Gió thổi được tự động điều chỉnh ở từng vị trí cụ thể sao cho người ngồi cảm thấy thoải mái nhất và được khởi động bằng nút.
④	Hiển thị nhiệt độ được cài đặt ở bên người lái và bên phụ.
	Chức năng sưởi kính chắn gió trước: Để có thể làm tan băng trên kính chắn gió nhanh nhất có thể thì không khí sẽ được hút ẩm ở nhiệt độ $\geq 3^{\circ}\text{C}$ ($+38^{\circ}\text{F}$) và quạt sẽ hoạt động ở tốc độ cao nhất.
	Thổi gió vào mặt.
	Thổi gió vào chân.
	Sưởi kính chắn gió sau: Chỉ hoạt động khi động cơ được khởi động và tự động tắt sau khi hoạt động tầm 10 phút.
	Chức năng lấy gió trong.
	Chức năng sưởi (Nếu được trang bị).

V. VẬN HÀNH XE

	Chức năng sưởi ghế (Nếu được trang bị).
A/C	Nút bật/ tắt hệ thống điều hòa.
MAX A/C	Kích hoạt hệ thống điều hòa ở công suất tối đa, đồng thời chức năng lấy gió trong và chức năng thổi gió vào mặt cũng được kích hoạt.
SYNC	Dùng để đồng bộ nhiệt độ cài đặt bên phụ và phía sau so với bên người lái. Nếu đèn báo ở nút (SYNC) sáng, thì nhiệt độ cài đặt ở bên người lái đồng thời được áp dụng ở bên phụ. Nếu sau đó, nhiệt độ bên phụ được cài đặt lại thì đèn này sẽ mất.
AUTO	Hệ thống tự động duy trì nhiệt độ trong xe theo nhiệt độ cài đặt. Nhiệt độ, tốc độ quạt và phân bố hướng gió sẽ tự động điều chỉnh. Chế độ auto sẽ tự động ngắt khi bạn thay đổi chế độ lấy gió trong/ngoài, hoặc chỉnh nhiệt độ phía phụ.
REST	Hỗ trợ sưởi không khí bên trong xe khi bạn OFF chìa khóa bằng cách lấy nhiệt độ động cơ để sưởi khoang cabin. Đèn báo trên nút (REST) sẽ sáng nếu chức năng được kích hoạt. Chức năng tự động tắt sau khoảng 30 phút hoặc trong trường hợp ắc quy yếu.
MENU	Bấm nút để hiển thị phần cài đặt hệ thống điều hòa trên màn hình hệ thống thông tin và giải trí.

V. VẬN HÀNH XE

26. Hệ thống thông tin giải trí.



- ① Nút vào chức năng App Connect.
- ② Nút vào chức năng điều chỉnh âm thanh.
- ③ Nút di chuyển trong các mục và chỉnh kênh trong Radio.
- ④ Nút vào chức năng kiểm tra thông tin xe.
- ⑤ Nút vào mục Menu chính.
- ⑥ Nút vào mục Voice Control.
- ⑦ Nút vào mục điện thoại kết nối qua Bluetooth.
- ⑧ Nút chỉnh âm lượng và tắt/khởi động đầu Radio.
- ⑨ Nút vào chức năng phát nhạc.
- ⑩ Nút vào mục phát thanh Radio.

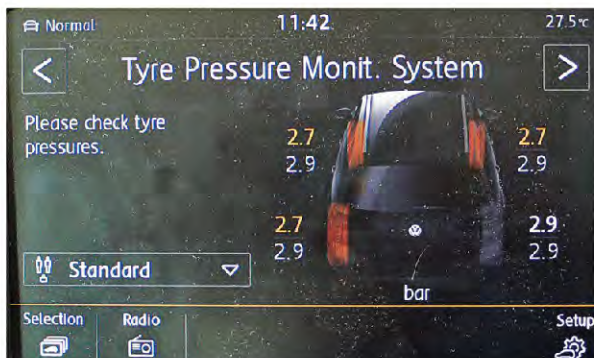
Một số tính năng chính của hệ thống thông tin và giải trí.

- Chức năng radio với sóng AM/FM.
- Kết nối với điện thoại thông qua Bluetooth.
- App-connect (Kết nối với điện thoại thông qua cáp).
- Phát nhạc qua thẻ SD, USB, CD.
- Hỗ trợ hiển thị cảm biến khoảng cách.
- Hỗ trợ hiển thị thông số Off-road.
- Chức năng cài đặt các thông số của một số hệ thống trên xe.

Cách kiểm tra áp suất lốp thông qua màn hình của hệ thống thông tin và giải trí:

- Nhấn nút Menu (số ⑤) → chọn biểu tượng "Vehicle" trên màn hình hoặc nhấn nút Car (số ④).
- Nhấn vào mũi tên < hoặc > trên màn hình cho đến khi thông tin áp suất lốp được thể hiện như hình bên dưới.

V. VẬN HÀNH XE



- Bạn có thể so sánh áp suất lốp của từng bánh xe: áp suất thực tế (số hàng trên) với áp suất tiêu chuẩn (số hàng dưới – trong ngoặc)

Một số hệ thống có thể cài đặt các thông số thông qua hệ thống giải trí (vui lòng tham khảo bằng giải thích bên dưới).

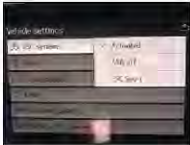
Để vào mục cài đặt các tính năng trên xe:

- Bật Khóa ON
- Nhấn phím CAR hoặc nhấn vào phím Menu rồi chọn Vehicle Setup trên màn hình trung tâm.
- Chọn vào biểu tượng  bên dưới góc phải màn hình.
- Sau đó màn hình sẽ hiện ra danh sách các hệ thống. Bạn có thể chọn vào hệ thống mà bạn muốn thay đổi cài đặt



V. VẬN HÀNH XE

Giải thích về các hệ thống và cách cài đặt như bên dưới:

Số	Hệ thống	Chức năng	Những cài đặt có thể lựa chọn	Ghi chú
1	ESC - Hệ thống cân bằng điện tử	Cho phép bật hoặc tắt chức năng của hệ thống ESC		Activated (Kích hoạt) ASR off (Tắt chế độ ASR), Chọn chế độ (ESC Sport)
2	Tyre - Lốp xe	Bạn chọn tải trọng cho xe để hệ thống đưa ra áp suất tiêu chuẩn tương ứng để bạn bơm lốp theo áp suất tiêu chuẩn.		Comfort (Thoải mái): khi chở ít người và cần sự êm ái - áp suất tiêu chuẩn thấp. Default (Tiêu chuẩn): khi chở ít người - áp suất tiêu chuẩn trung bình Full loaded (Tải tối đa): khi chở tối đa và áp suất tiêu chuẩn cao.
		Cài đặt đối với lốp chạy vào mùa đông		Bật/tắt chức năng cảnh báo tốc độ Cài đặt tốc độ cảnh báo

V. VẬN HÀNH XE

Số	Hệ thống	Chức năng	Những cài đặt có thể lựa chọn	Ghi chú
3	Personalisation – Các cài đặt của người dùng	Bật/ tắt chế độ cài đặt theo người dùng Lựa chọn chế độ người dùng mong muốn.		Dùng để cài đặt và lưu các tùy chọn riêng của người lái (Driver 1 hay 2 hay 3) như kết nối điện thoại cá nhân, đài Radio, nhiệt độ điều hòa, tùy chọn về chế độ lái xe ... để sau này bạn chỉ cần chọn Driver 1 hay 2 hay 3 thì các hệ thống sẽ đưa về cài đặt của bạn trước đó mà bạn không cần chọn lại.
4	Lighting - Hệ thống chiếu sáng	4.1 - Chọn Bật/ tắt hệ thống chiếu sáng tự động khi trời mưa. 4.2 - Chọn Bật/ tắt hệ thống đèn báo thông minh.		Dùng để kích hoạt hoặc hủy tính năng tự động mở đèn khi trời mưa. Khi kích hoạt tính năng này thì đèn báo rẽ sẽ nhấp 3 lần và tự tắt trong trường hợp bạn bật công tắc báo rẽ.

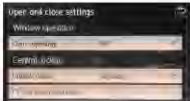
V. VẬN HÀNH XE

Số	Hệ thống	Chức năng	Những cài đặt có thể lựa chọn	Ghi chú
4	Lighting - Hệ thống chiếu sáng	4.3 - Lựa chọn loại hình giao thông bên trái hay bên phải.		Việc lựa chọn này giúp hệ thống đèn tự động mở rộng vùng/góc chiếu sáng hoạt động đúng chức năng. Thị trường Việt Nam, chúng ta chọn "Right hand traffic"
		4.4 - Chỉnh đèn tập-lô.		Điều chỉnh độ sáng của đèn đồng hồ taplo
		4.5 - Chỉnh đèn tập-lô.		Điều chỉnh độ sáng của đèn đồng hồ taplo
		4.6 - Chỉnh thời gian sáng đèn định vị xe khi mở hoặc khóa xe bằng điều khiển từ xa.		Điều chỉnh thời gian sáng đèn định vị xe (phía dưới gương chiếu hậu ngoài xe) khi bạn bấm mở/khóa bằng chìa khóa điều khiển từ xa

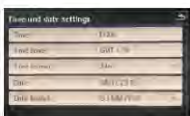
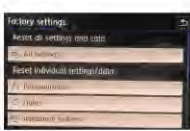
V. VẬN HÀNH XE

Số	Hệ thống	Chức năng	Những cài đặt có thể lựa chọn	Ghi chú
5	Driver assist setting - Hệ thống hỗ trợ người lái	Hệ thống cảnh báo người lái		Dùng để bật/tắt tính năng cảnh báo người lái tránh nguy hiểm.
6	Parking and Manoeuvring setting Hệ thống đỗ xe và phanh khẩn cấp.	Cảnh báo khoảng cách với chướng ngại vật xung quanh xe.		Kích hoạt chức năng tự động điều chỉnh âm thanh ở từng vị trí cảm biến. Cho phép chọn Bật/Tắt chức năng tự động cảnh báo khoảng cách và điều chỉnh âm thanh ở từng vị trí cảm biến.
		Phanh khẩn cấp khi lùi xe và phát hiện chướng ngại vật trong vùng nguy hiểm.		Cho phép chọn Bật/Tắt tính năng tự động phanh khẩn cấp khi lùi xe.

V. VẬN HÀNH XE

Số	Hệ thống	Chức năng	Những cài đặt có thể lựa chọn	Ghi chú
7	Mirror and wiper setting Cài đặt gương và gạt mưa	Cài đặt về gương chiếu hậu bên ngoài xe		Cho phép chọn hoặc hủy tính năng: Đồng bộ việc chỉnh gương trái và phải chung. Tự động xoay xuống khi gài số lùi. Tự động gập gương khi khóa xe.
		Windshield wiper Gạt mưa		Cho phép chọn hoặc hủy tính năng: Tự động gạt mưa khi trời mưa. Tự động gạt mưa kính sau khi gài số lùi.
8	Open and Close setting Cài đặt hệ thống khóa cửa	Cài đặt sự vận hành của cửa sổ		Kích hoạt chức năng tự động lên/xuống cửa sổ khi khóa/ mở khóa xe.
		Cài đặt về khóa trung tâm		Cho phép chọn hoặc hủy tính năng: Chọn cách mở khóa cửa - Có thể chỉ mở khóa được cửa người lái, hoặc tất cả các cửa. Automatic locking: Tự động khóa cửa khi tốc độ lớn hơn 15 km/h.

V. VẬN HÀNH XE

Số	Hệ thống	Chức năng	Những cài đặt có thể lựa chọn	Ghi chú
9	Instrument cluster setting Cài đặt hiển thị trên táp-lô.	Cài đặt các thông tin muốn hiển thị trên táp-lô Và Reset tất cả thông tin trên táp-lô về mặc định.		Bạn có thể chọn thông tin muốn hiển thị trên taplo và Reset tất cả thông tin trên táp-lô về mặc định
10	Time and date setting Cài đặt ngày giờ	Dùng để cài đặt ngày, giờ		
11	Unit Cài đặt đơn vị	Dùng để cài đặt đơn vị hiển thị trên màn hình táp-lô và màn hình trung tâm		
12	Service – Bảo dưỡng	Xem thông tin về bảo dưỡng		Bạn có thể vào đây để kiểm tra xem còn bao lâu thì sẽ đến kỳ bảo dưỡng tiếp theo
13	Factory setting	Khôi phục lại tất cả cài đặt mặc định từ nhà máy.		Bạn có thể hủy các cài đặt cá nhân và đưa về cài đặt mặc định của nhà máy cho tất cả các hệ thống hoặc từng hệ thống bạn chọn

V. VẬN HÀNH XE

27. Think Blue Trainer

Chức năng này hỗ trợ thêm thông tin cho bạn về việc sử dụng chiếc xe của mình sao cho hiệu quả thông qua việc hiển thị chi tiết mức tiêu hao nhiên liệu theo hành trình để bạn điều chỉnh chế độ chạy sao cho phù hợp nhất.

Để hiển thị chức năng ThinkBlue Trainer, bạn chọn như sau:

- Nhấn phím Menu của màn hình hệ thống thông tin và giải trí, sau đó chọn mục Vehicle. Hoặc nhấn trực tiếp vào nút Car.



- Chọn mục Selection dưới góc trái màn hình, sau đó chọn vào Think Blue. Trainer



- Trên màn hình sẽ hiển thị các thông tin như hình dưới đây



① "Blue Score"

- Hiển thị điểm số mà hệ thống tính toán dựa trên mức độ tiết kiệm nhiên liệu của cách vận hành xe mà người lái đang thực hiện.
- Giá trị càng cao nghĩa là cách vận hành xe của người lái càng đạt sự hiệu quả và tiết kiệm.
- Vòng màu xanh nghĩa là cách vận hành xe đang hiệu quả và cần được duy trì.

V. VẬN HÀNH XE

- Vòng màu xám nghĩa là cách vận hành xe đang không hiệu quả.
- Chạm vào ① để hiển thị biểu đồ chi tiết được ghi nhận trong vòng 30 phút gần nhất kể từ khi khởi động.



② Tăng tốc và phanh.

- Khi tốc độ không đổi, hai vành cung sẽ cùng hiển thị ở vị trí nằm ngang. Khi tăng tốc hoặc đạp phanh, 2 vành cung sẽ dịch chuyển lên hoặc xuống.

③ Hiển thị lịch sử sử dụng.

- Vạch màu xanh nghĩa là cách vận hành xe đang hiệu quả. Vạch màu trắng để lưu lại lịch sử của vạch màu xanh trong vòng 5s.
- Vạch càng lớn nghĩa là cách vận hành xe càng hiệu quả.

④ Những nhắc nhở của hệ thống để tiết kiệm nhiên liệu trong lúc vận hành xe:

- Nhắc nhở nhìn về phía trước khi lái xe.
- Nhắc nhở chuyển số.
- Thay đổi tốc độ.
- eco** - Lái xe tiết kiệm.

⑤ Tiêu hao nhiên liệu

- Hiển thị mức tiêu hao nhiên liệu trung bình kể từ khi khởi động (Đơn vị lít/100km).
- Vòng màu xanh nghĩa là cách vận hành xe đang hiệu quả và cần được duy trì.
- Vòng màu xám nghĩa là cách vận hành xe đang không hiệu quả.
- Chạm vào biểu tượng để hiển thị biểu đồ chi tiết được ghi nhận trong vòng 30 phút gần nhất kể từ khi khởi động.



⑥ Chọn vào biểu tượng để hiển thị một số lưu ý để tiết kiệm năng lượng.



V. VẬN HÀNH XE

- ⑦ Vạch màu xanh thể hiện sự hiệu quả theo cách chạy xe hiện tại của người lái. Mỗi vạch sẽ cập nhật sau mỗi 5s. Vạch càng lớn càng gần trung tâm nghĩa là cách chạy xe càng hiệu quả.

28. Cảnh báo mất áp suất lốp TPLI – Tire Pressure Loss Indicator (Nếu được trang bị)

Hệ thống cảnh báo mất áp suất lốp TPLI sử dụng dữ liệu từ các cảm biến tốc độ ở bánh xe để xác định tốc độ quay cũng như chu vi vòng quay của từng bánh xe. Bất kỳ sự thay đổi nào về chu vi vòng quay của một hoặc nhiều bánh xe đều sẽ thể hiện bởi đèn báo áp suất lốp trên màn hình taplo.

Sự thay đổi chu vi vòng quay của bánh xe có thể là do:

- Sự thay đổi áp suất lốp
- Áp suất lốp quá thấp
- Cấu trúc lốp bị hư hỏng
- Tải quá nặng ở 1 bánh xe cùng 1 cầu
- Tải quá nặng ở 1 cầu
- Lắp bánh xe dự phòng
- Chỉ thay 1 bánh ở cùng 1 cầu khi hư hỏng



Khi có sự thay đổi về chu vi vòng quay, đèn báo  sẽ được hiển thị trên màn hình taplo.

Cài đặt lại áp suất lốp:

Áp suất lốp cần phải cài đặt lại sau khi thay 1 hoặc nhiều bánh xe, hay khi đảo bánh xe từ trước ra sau. Việc cài đặt này được thực hiện thông qua hệ thống thông tin giải trí.

- Bật chìa khóa **ON**
- Nhấn vào nút  trên hệ thống thông tin giải trí
- Hoặc:
 - Chọn mục 
 - Chọn 
 - Nhấn mũi tên ,  cho tới khi hiển thị hệ thống TPLI
 - Nhấn 
- Hoặc:
 - Nhấn vào nút  để mở danh mục cài đặt cho xe
 - Chọn vào phần 
 - Nhấn vào nút 
- Nếu như 4 bánh xe đã được bơm đúng giá trị áp suất, nhấn vào nút 
- Nếu 4 bánh xe chưa được bơm đúng áp suất, nhấn  để hủy việc cài đặt.

V. VẬN HÀNH XE

29. Chức năng báo áp suất lốp (Tires Pressure Monitoring System – TPMS).

Ký hiệu	Ý nghĩa
①	Áp suất tiêu chuẩn của xe.
②	Áp suất thực tế của xe.
③	Áp suất xe bị giảm.
④	Lỗi hệ thống ở bánh xe phía sau bên phải.



Lưu ý

Sự sai biệt về áp suất lốp hoặc áp suất lốp quá thấp có thể dẫn đến việc mất điều khiển, tai nạn hoặc chấn thương nghiêm trọng.

Nếu đèn ① sáng, dừng xe càng sớm càng tốt và kiểm tra lốp ngay.

Sự sai biệt về áp suất lốp hoặc áp suất lốp quá thấp có thể làm gia tăng độ mòn lốp, làm giảm sự ổn định thân xe và gia tăng quãng đường phanh.

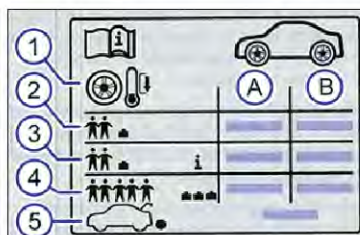
Sự sai biệt về áp suất lốp hoặc áp suất lốp quá thấp có thể làm nổ lốp.

Tem dán gợi ý áp suất lốp ở bên vị trí cửa tài như hình dưới, người lái vui lòng tham khảo và đảm bảo áp suất lốp luôn đúng với yêu cầu của nhà sản xuất.

Luôn luôn đảm bảo đúng áp suất lốp trước mỗi chuyến đi.

Chạy quá nhanh hoặc chở quá tải có thể khiến lốp bị quá nhiệt và có thể dẫn tới nổ lốp.

Nếu lốp xe không bị xì và điều kiện hiện tại không cho thay lốp dự phòng thì bạn vui lòng chạy thật chậm tới Đại lý được ủy quyền của Volkswagen gần nhất.



V. VẬN HÀNH XE

Khi bật chìa khóa thì giá trị áp suất lốp đã lưu ở lần gần nhất sẽ hiện lên, và sẽ được cập nhật tiếp giá trị ở thời điểm hiện tại và sẽ hiện lên khi bắt đầu chuyển hành trình. Nếu giá trị áp suất thấp hơn so với giá trị tiêu chuẩn thì nó sẽ được làm nổi bật lên.

Điều chỉnh áp suất lốp.

- Áp suất lốp phải được kiểm tra và điều chỉnh sao cho phù hợp với tải trọng. Giá trị tiêu chuẩn của áp suất lốp được hiển thị ở tem dán như trên.
- Nếu cần phải bơm lốp khi lốp đang nóng thì cần phải bơm hơn giá trị tiêu chuẩn khoảng 0.2 – 0.3 bar (2.9 – 4.4 PSI / 20 – 30 kPa).
- Giá trị hiển thị trên đồng hồ của dụng cụ bơm áp suất có thể khác biệt so với giá trị hiển thị trên hệ thống TPMS. Hệ thống TPMS cung cấp giá trị chính xác hơn.

Lựa chọn giá trị tiêu chuẩn khi chờ tải.

Người lái phải lựa chọn giá trị tiêu chuẩn sao cho phù hợp với tải trọng hiện tại. Các bước thực hiện như sau:

- Bật chìa khóa.
- Nhấn vào nút **CAR** trên hệ thống thông tin và giải trí.
- Nhấn vào nút chức năng **Vehicle status**
- Sau đó nhấn nút qua trái hoặc qua phải sao cho hiển thị ra bảng hệ thống TPMS (như hình dưới). Bấm vào nút được khoanh tròn để lựa chọn các chế độ Standard, Convenience, Full load.



Lựa chọn loại lốp.

Khi có nhu cầu cần thay đổi kích cỡ lốp thì thay đổi áp suất lốp tiêu chuẩn là việc làm cần thiết. Trong trường hợp đó, cần phải lựa chọn chính xác loại lốp đã thay đổi thì hệ thống mới cho ra giá trị áp suất lốp tiêu chuẩn chính xác.

Các bước thực hiện:

- Bật chìa khóa.
- Nhấn vào nút **CAR** trên hệ thống thông tin và giải trí.
- Nhấn vào nút chức năng **Vehicle status**
- Nhấn tiếp vào nút, **Setup**
- Lựa chọn kích cỡ lốp đang sử dụng khi vào phần tùy chỉnh của mục **Tyre**. Nếu kích cỡ lốp đang sử dụng không có sẵn trong hệ thống, thì việc tùy chỉnh cần phải được thực hiện ở hệ thống Đại lý được ủy quyền của Volkswagen.

V. VẬN HÀNH XE

Đồng bộ cảm biến áp suất lốp.

Việc đồng bộ cảm biến là không cần thiết trong trường hợp cảm biến được thay hoặc lốp được thay. Hệ thống TPMS tự động nhận biết được áp suất lốp hiện tại và tự động đồng bộ với hệ thống trong quá trình di chuyển.

Lốp dự phòng.

Áp suất của lốp dự phòng không được nhận dạng bởi hệ thống TPMS.



Lưu ý

Cảm biến áp suất lốp được gắn trên một van nhôm ở bánh xe. Những van này được bắt chắc chắn ở các bánh xe, cho nên khi bơm bánh, tránh tác động mạnh tới các van này.

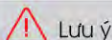
Nếu nắp đậy các van này bị mất, cảm biến áp suất lốp có thể bị hư hỏng. Không được để mất nắp đậy van. Sau khi bơm lốp phải vặn chặt lại. Không được dùng nắp đậy bằng kim loại.

Trong trường hợp thay lốp mới, cần tiến hành cẩn thận, tránh gây hư hại cho van và cảm biến gắn trên mâm xe.

Với lý do lão hóa của ron cao su. Van nhôm trên mâm nên được thay sau mỗi khoảng 6 năm kết hợp với việc thay lốp. Một khi đã tháo ra, van nhôm không thể sử dụng lại được. Tuy nhiên, cảm biến trong van thì có thể sử dụng lại được.

VI. TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP

1. Không khởi động được do yếu bình – Cách cứu bình



Lưu ý

Xe của bạn được trang bị hộp số DSG nên không thể đẩy xe để khởi động động cơ mà phải cứu bình/ sạc bình để khởi động. Nếu không sẽ gây hư hỏng cho xe.

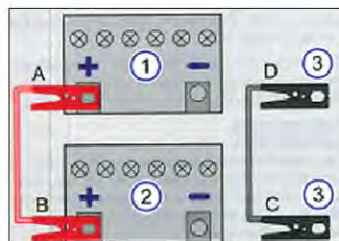
Hình ảnh ốc quy trên xe:



Cách nối dây cứu bình:

- ① Bình điện đã yếu cần được cứu bình để khởi động
- ② Bình điện cung cấp nguồn để cứu bình
- ③ Vị trí nối mát thân xe

Nối dây theo thứ tự A-B-C-D như hình. Không được nối cáp màu đen trực tiếp vào cọc âm của bình trên xe vì có thể sẽ xảy ra lỗi khi hệ thống điện tính toán không chính xác các thông số.



Quy trình cứu bình:

- Cách nối cọc bình

- Ngắt chìa khóa ở cả 2 xe
- Nối một đầu của dây nối màu đỏ vào cọc dương (+) trên bình xe cần được cứu bình. Đầu còn lại kết nối vào cọc dương của xe hỗ trợ.
- Nối một đầu của dây nối màu đen vào vị trí nối mát thân xe của xe cần được cứu bình, đầu còn lại nối vào cọc âm (-) của bình (hoặc mát thân xe) trên xe hỗ trợ.

VI. TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP

- Kiểm tra đảm bảo dây nối không vướng vào các bộ phận chuyển động ở khoang động cơ.
- Nổ máy
 - Nổ máy của xe hỗ trợ và để ở chế độ cầm chừng.
 - Tiến hành nổ máy trên xe cần được cầu bình chờ từ 2 đến 3 phút để động cơ nổ êm.
 - Tháo dây cầu bình
 - Trước khi nối dây cầu bình nên tắt đèn pha trên xe nếu nó đang được bật.
 - Bật quạt của hệ thống điều hòa hoặc chế độ sưởi của xe bị hết bình để đảm bảo máy phát hoạt động tối đa công suất.
 - Tháo dây cầu bình theo thứ tự D-C-B-A.
 - Đưa xe bạn đến đại lý gần nhất để kiểm tra ắc quy.



Lưu ý

Thao tác nối dây cầu bình phải đúng cách, nếu không sẽ có thể gây hư hỏng cho các thiết bị điện trên xe hoặc nổ ắc quy gây thương tích cho bạn.

Chỉ được dùng bình ắc quy cùng điện áp (12V) với ắc quy của xe bạn khi tiến hành cầu bình.

Chỉ nên để máy trong khoảng thời gian từ 5s - 10s. Nếu không nổ máy được thì phải tắt một lúc rồi mới để lại.

2. Không thể mở cửa xe, cốp xe bằng chìa khóa điện tử do chìa khóa hết pin, ắc quy hết điện

2.1. Mở/khóa cửa người lái bằng chìa khóa cơ

Nếu xe được khóa bằng chìa khóa cơ, thông thường tất cả các cửa sẽ bị khóa lại. Khi mở bằng chìa khóa cơ, chỉ mỗi cửa tài được mở khóa.

Cách mở khóa bằng chìa cơ:

- Kéo tay nắm cửa ra ngoài cho đến vị trí có đủ không gian để lấy nắp che.
- Đưa chìa khóa cơ vào lỗ nhỏ phía dưới ổ khóa cửa.
- Dùng chìa khóa cơ lấy nhẹ để cạy nắp che ra ngoài.
- Lấy nắp che ra.
- Đưa chìa khóa cơ vào ổ khóa và xoay để khóa hoặc mở khóa cửa.
- Thả tay nắm cửa và đẩy nắp che ổ khóa cửa lại.



VI. TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP



Lưu ý

Hệ thống chống trộm vẫn hoạt động tuy nhiên sẽ không có cảnh báo khi mở cửa bằng chìa khóa cơ.

Hệ thống cảnh báo sẽ được kích hoạt nếu cửa người lái bị mở.

Sau khi mở khóa, xe cần được câu bình để khởi động

Khi đã bật được chìa khóa, hệ thống sẽ tự động nhận dạng chìa khóa và vô hiệu hóa cảnh báo chống trộm

2.2. Mở cốp sau bằng chìa khóa

Hướng dẫn mở cốp bằng chìa khóa cơ:

- Gập hết hàng ghế phía sau.
- Lấy hết vật dụng trong cốp ra ngoài để bạn dễ dàng thao tác bên trong cốp.
- Tháo nắp che bên trong cốp.
- Bật chìa khóa cơ ra và đưa vào bên trong ổ khóa.
- Đẩy theo hướng mũi tên để mở khóa cốp.



3. Không thể khởi động động cơ do chìa khóa yếu pin

- Khi chìa khóa yếu pin, để khởi động được động cơ, bạn cần áp chìa khóa vào bên phải phía dưới vô lăng (Như hình).
- Sau đó, bạn nên liên hệ Đại lý của chúng tôi để được thay pin mới cho chìa khóa.



4. Thay bánh xe dự phòng

Một số chuẩn bị trước khi thay bánh xe dự phòng:

- Đỗ xe ở vị trí có bề mặt kiên cố, càng bằng phẳng càng tốt, giữ khoảng cách an toàn so với đường giao thông.
- Kích hoạt phanh tay điện tử và Cài số P.
- Yêu cầu tất cả hành khách rời khỏi xe và Lấy hết tất cả dụng cụ, đồ dùng bên trong cốp xe ra ngoài.
- Chặn bánh xe để phòng bị trôi xe.

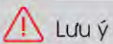
VI. TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP

Bước 1: Lấy bánh xe dự phòng ra khỏi xe:

- Bánh xe dự phòng được đặt bên trong khoang hành lý ở cấp sau.

Bước 2: Tháo nắp che bu lông bánh xe:

- Dùng móc trong bộ dụng cụ đi theo xe để tháo nắp che bu lông.

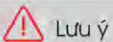
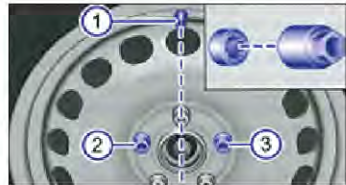


Lưu ý

Bu lông chống trộm có nắp che khác với các nắp che còn lại nên cần để riêng hoặc đánh dấu lại để tránh làm mất hoặc nhầm lẫn.

Bước 3: Nới lỏng bu lông siết bánh xe và bu lông chống trộm:

- Dùng tuýp mở bu lông bánh xe và đầu tuýp của bu lông chống trộm để nới lỏng các bu lông và bu lông chống trộm



Lưu ý

Luôn phải sử dụng cần siết đi kèm theo xe hoặc tương tự để nới lỏng bu lông. Chỉ nới lỏng bu lông khoảng 1 vòng (ngược chiều kim đồng hồ) trước khi nâng xe. Không cho dầu, mỡ lên bu lông hoặc ổ ren vì nó có thể làm nới lỏng bu lông trong lúc xe di chuyển.

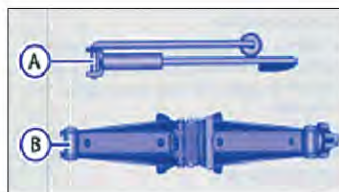
Trên mỗi bánh xe sẽ có một bu lông chống trộm được đặt giữa hai bu lông thường (Số ② và ③) và nằm thẳng hàng với van hơi (Số ①) của bánh xe

VI. TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP

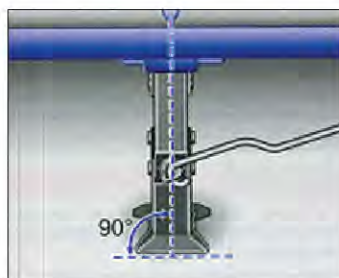
Bước 4: Nâng xe

Các bước thực hiện:

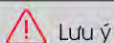
- Gắn tay quay (A) vào con đội (B)
- Đưa con đội vào vị trí nâng xe có đánh dấu hình tam giác.



- Đảm bảo chân của con đội tiếp xúc tốt với bề mặt nơi đậu xe.



- Xoay tay quay con đội cùng chiều kim đồng hồ để nâng xe cho đến khi bánh xe được nâng lên khỏi mặt đường và đủ khoảng cách để tháo bánh xe ra.



Lưu ý

Sử dụng con đội không chính hãng hoặc không đúng cách có thể bị trượt khỏi xe gây chấn thương và hư hỏng thân xe.

Bề mặt tiếp xúc con đội phải chắc chắn và cố định

Có thể sử dụng cao su hoặc chất liệu tương tự để chêm vào con đội tránh bị trượt trong lúc nâng xe

Luôn đặt con đội vào đúng vị trí nâng xe để tránh bị trượt gây hư hỏng và tai nạn.

VI. TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP

Bước 5: Tháo bánh xe

- Sau khi đã nâng xe lên, tiếp tục dùng tuýp và đầu mở bu lông bánh xe để tháo các bu lông sau khi đã được nới lỏng rồi nhấc bánh xe ra khỏi moay-ơ.



Bước 6: Lắp bánh xe dự phòng

- Đặt bánh xe dự phòng vào moay-ơ.
- Vặn bu lông chống trộm vào đúng vị trí như hình.
- Vặn tất cả bu lông còn lại và siết nhẹ tất cả cùng chiều kim đồng hồ
- Hạ con đội.
- Cố định lại bánh xe để tránh bị trôi.
- Siết chặt tất cả các bu lông theo thứ tự chéo nhau.



Lưu ý

Phải sử dụng đúng bu lông của bánh xe đó, không được trao đổi, không được sử dụng bu lông khác loại.

Bu lông và lỗ ren trên moay-ơ cần được vệ sinh sạch sẽ, không dính dầu mỡ và có thể xoay nhẹ bằng tay.

Luôn phải sử dụng cần siết đi kèm theo xe để nới lỏng hoặc siết bu lông.

Không cho dầu, mỡ lên bu lông hoặc lỗ ren vì nó có thể làm nới lỏng bu lông trong lúc xe di chuyển.

Bu lông hoặc moay-ơ có thể hỏng nếu lực siết quá lớn. Nếu lực siết quá nhỏ bu lông có thể bị nới lỏng trong lúc xe chuyển động.

Lực siết cần được kiểm tra lại càng sớm càng tốt sau khi bạn siết bu lông bằng dụng cụ chuyên dùng.

Sau khi lắp bánh xe, nên đưa xe đi kiểm tra và siết lại đúng lực siết và thay thế bánh xe hư hỏng càng sớm càng tốt.

VI. TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP

5. Kéo xe



Lưu ý

Khi nào chiếc xe của bạn không nên kéo:

- Hộp số bị hỏng hoặc mất hết dầu hộp số.
- Ắc quy đã hết điện. Vô lăng bị khóa, phanh tay điện tử không thể nhả.
- Khoảng cách kéo quá 50 km.
- Tốc độ tối đa lúc kéo xe là 50 km/h.

5.1. Khi xe bạn cần được kéo

Lúc xe bạn được kéo:

- Bật chìa khóa.
- Cài số N.
- Tắt chìa khóa.
- Phải được kéo bởi xe cứu hộ với cầu trước được nhấc khỏi mặt đường.
- Tốc độ tối đa lúc kéo xe là 50 km/h.
- Không nên kéo với khoảng cách lớn hơn 50 km.



Lưu ý

Chỉ sử dụng móc kéo xe mà nhà sản xuất cung cấp đi kèm theo xe.

Phải đảm bảo ắc quy đủ điện và cấp nguồn cho xe khi kéo xe và phải thao tác đúng cách.

Trong trường hợp ắc quy hết điện hoặc nếu ắc quy còn điện nhưng bạn không chắc có cấp nguồn đầy đủ cho xe trong quá trình kéo hay không, thì bạn **NÊN CHỖ BẰNG XE CỨU HỘ** để tránh hư hỏng nghiêm trọng cho hệ thống truyền động như hộp số, cầu,.....

5.2. Xe bạn kéo xe khác:

Bạn có thể sử dụng dây cáp hoặc thanh cứng để kéo xe. Theo khuyến nghị của nhà sản xuất thì nên sử dụng thanh cứng, chỉ sử dụng cáp trong trường hợp thanh cứng không có sẵn.

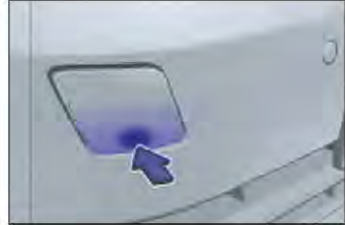
VI. TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP

Lắp móc kéo xe ở phía trước.

Móc kéo được gắn vào lỗ nằm phía sau nắp che bên phải của cabin.

Cách lắp:

- Lấy móc kéo nằm trong bộ dụng cụ theo xe được cất sau cốp.
- Nhấn vào phần phía dưới của nắp che như hình để dễ tháo nắp che hơn.
- Tháo nắp che và cất vào bên trong xe.



- Vặn móc kéo xe càng chặt càng tốt.
- Sử dụng dụng cụ phù hợp để siết chặt móc kéo.
- Sau khi kéo xe xong, tiến hành vặn móc kéo theo chiều ngược lại để tháo ra. Đẩy lại nắp che, vệ sinh và cất móc kéo xe vào trong cốp.



Lắp móc kéo xe ở phía sau.

Móc kéo xe được lắp vào lỗ ren nằm phía sau nắp che bên phải của cabin.

Cách lắp:

- Lấy móc kéo nằm trong bộ dụng cụ theo xe được cất sau cốp.
- Nhấn vào phần phía dưới của nắp che như hình để dễ tháo nắp che hơn.
- Tháo nắp che và cất vào bên trong xe.
- Vặn móc kéo xe càng chặt càng tốt.
- Sử dụng dụng cụ phù hợp để siết chặt móc kéo.
- Sau khi kéo xe xong, tiến hành vặn móc kéo theo chiều ngược lại để tháo ra. Đẩy lại nắp che, vệ sinh và cất móc kéo xe vào trong cốp.



